

Nghệ sĩ ưu tú ĐÌNH LONG TA

MẤY NÉT
K VĂN HÓA CỔ TRUYỀN
à dong
(SƯU TẦM - BIÊN KHẢO)



SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN QUẢNG NGÃI
1999

Mấy nét văn hóa
cổ truyền Cà D

Hình Biểu

398.208 253 753

M 126 n

Mấy nét văn hóa cổ truyền Kà Dong

NSƯT.ĐINH LONG TA

Sưu tầm - biên soạn



SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN QUẢNG NGÃI

1999

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....5

Đại cương về huyện Sơn Tây.....7

PHẦN I: MẤY NÉT VĂN HÓA CỔ TRUYỀN KÀ DONG

□ Đại cương về dân tộc Cà Dong.....9

□ Quan niệm về thần linh.....12

□ Tập tục theo chu kỳ đời người.....15

□ Tập tục trong lập làng.....21

□ Tập tục trong lao động sản xuất.....22

□ Tết đầu năm.....26

□ Các hình thức cúng tế.....28

□ Lễ hội ăn trâu.....32

□ Văn học nghệ thuật dân gian.....39

PHẦN II: TRUYỆN CỔ KÀ DONG

□ Sự tích dân tộc Cà Dong.....43

□ Người lùn dưới lòng đất.....50

□ Sự tích thần lúa.....54

□ Sự tích con chim hang.....58

□ Sự tích đốt hương trước khi cúng tế.....65

□ Sự tích, tục cúng con trút.....67

□ Sự tích các loài thú dữ.....70

□ Sự tích làng Huy Măng.....72

Lời nói đầu

Ở Quảng Ngãi, số người thuộc dân tộc Kà Dong tuy không nhiều, lại nằm trên địa bàn cư trú xa xôi nhất, nhưng văn hóa Kà Dong lại mang tính nội sinh mạnh mẽ, đặc sắc, là một bộ phận không thể thiếu trong nền văn hóa đa dạng trong thống nhất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Nhằm mục đích khai thác, phát huy tinh hoa văn hóa cổ truyền của dân tộc theo tinh thần Nghị quyết TW5, nhằm phục vụ giáo dục truyền thống và làm dữ liệu nghiên cứu, Sở VH TT Quảng Ngãi đã tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu về văn hóa các dân tộc. Ngay từ trước ngày tái lập tỉnh (1989), Sở VH TT Nghĩa Bình đã ấn hành tập *Truyện cổ Kà Dong* (do Đinh Xăng Hiền - Nhà thơ dân tộc Hre đã quá cố và Nguyễn Thanh Mừng sưu tầm). Sau tách tỉnh, Sở VH TT Quảng Ngãi đã ấn hành tập *Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số Quảng Ngãi* của các tác giả Tạ Hiền Minh - Nguyễn Văn Mạnh - Nguyễn Xuân Hồng. Tất nhiên, bên cạnh những cố gắng về mặt nghiên cứu, vẫn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót.

Lần này, Sở VH TT Quảng Ngãi ấn hành tập sách *Mấy nét văn hóa cổ truyền Kà Dong* do NSUT. Đinh Long Ta sưu tầm, biên soạn cũng nằm trong ý hướng ấy. Điều đặc biệt ở đây là, lần đầu tiên ở tỉnh ta văn hóa một tộc người được soạn thảo thành một chuyên đề. Tác giả của tập sách lại là một người con của dân tộc Kà Dong đã có quá trình phấn đấu trở thành nghệ sĩ ưu tú trên lĩnh vực múa. Điều đó có

thể qui định cả điểm mạnh lẫn điểm yếu của tập sách. Có lẽ không ai biết rõ hơn, tường tận hơn, tâm huyết hơn, khi một người con viết về dân tộc mình, quê hương mình. Mặt khác, cũng cần thấy rằng, tác giả không phải là một nhà nghiên cứu văn hóa chuyên nghiệp, do vậy dù đã hết sức cố gắng trong biên khảo và trong khâu biên tập, thì một số sai sót chắc sẽ không tránh khỏi. Vả lại, như tiêu đề của tập sách cũng rất khiêm tốn là chỉ đề cập đến “mấy nét” chứ không phải đầy đủ.

Tuy vậy, với những ưu điểm trên, tập sách sẽ giúp bạn đọc tiếp cận đúng “nguyên bản” những gì mà nó đề cập, tránh sự “khúc xạ” qua cái nhìn của người khác, hoặc sử dụng lại những cái đã có mà những cái này không phải đã hoàn toàn chính xác. Nói cách khác cái quý ở tập này chính là cung cấp những dữ liệu văn hóa rất đáng tin cậy về dân tộc Kà Dong ở Quảng Ngãi.

Sở VH TT Quảng Ngãi xin trân trọng giới thiệu tập sách cùng bạn đọc và xin cảm ơn UBND huyện Sơn Tây, dù rất khó khăn, đã có sự ủng hộ thiết thực để hoàn thành bản thảo và ấn hành tập sách.

Quảng Ngãi tháng 11 năm 1999

SỞ VH TT QUẢNG NGÃI

ĐẠI CƯƠNG VỀ HUYỆN SƠN TÂY ĐỊA BÀN CƯ TRÚ CHỦ YẾU CỦA DÂN TỘC KÀ DONG Ở QUẢNG NGÃI

- Vị trí địa lý : Nằm ở phía tây bắc tỉnh Quảng Ngãi, đông - đông nam giáp huyện Sơn Hà, tây nam giáp các huyện Đắc Tô, Đắc Hà, Kon Plông (tỉnh Kon Tum); bắc giáp huyện Trà Bồng (Quảng Ngãi) và Trà My (tỉnh Quảng Nam).

- Địa hình và diện tích : Tổng diện tích tự nhiên 380 km^2 , trong đó núi rừng chiếm $4/5$ (khoảng 300 km^2), độ cao từ 400 đến 1.700 mét so với mặt biển. Các núi cao : Hoăn Plây 1.900 m, núi Rét 1.794 m, núi Ngọc Tăng 1.608m, núi Hà Năng 1.483m, núi King An 1.477m... Núi rừng liên dải với dãy Ngọc An - Ngọc Linh của tỉnh Kon Tum, rất hiểm trở.

- Các sông lớn : sông Rinh (Dhăk K'rin), sông Xà Lò (Dhăk Xêlô), thượng nguồn sông Trà Khúc.

- Dân số và dân tộc : Dân số Sơn Tây có 14.400 người, trong đó có 12.550 người thuộc dân tộc Kà Dong, số còn lại thuộc các dân tộc Cor, Hre, Kinh.

- Ngành nghề cổ truyền chính của dân tộc Kà Dong: Làm rẫy, dệt, đan lát, rèn luyện sắt, săn bắn, hái lượm.

- Truyền thống chống phong kiến đế quốc : Sơn Tây là một trong các huyện thuộc miền tây Quảng Ngãi, là căn cứ địa cách mạng trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Dân tộc Kà Dong ở Quảng Ngãi có truyền thống kiên cường chống phong kiến - đế quốc qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau.

MẤY NÉT VĂN HÓA CỔ TRUYỀN KÀ DONG

ĐẠI CƯƠNG VỀ DÂN TỘC KÀ DONG

Dân tộc Cà Dong⁽¹⁾ là một chi của dân tộc Xê Đăng, cư trú tập trung ở địa bàn giáp ranh của 3 tỉnh từ huyện Trà My (Quảng Nam) qua Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng (Quảng Ngãi) đến Đắc Tô, Sa Thầy, Đắc Glây, Kon Plong, Kon Tum (tỉnh Kon Tum). Ở Quảng Ngãi dân tộc có hơn 12.000 người cư trú chủ yếu ở huyện Sơn Tây. Ngôn ngữ Cà Dong thuộc ngữ hệ Môn - Khơme. Người Cà Dong thường dựng nhà, lập làng ở những nơi có nguồn nước, đất đai thuận lợi cho việc sản xuất, địa thế quang đãng, cao ráo, không quá dốc, dựng nhà cửa theo kiểu tiểu gia đình phụ quyền, vật liệu làm bằng những vật liệu có sẵn trong rừng như gỗ, mây,

(1) Tộc danh Cà Dong có thể viết theo các cách khác như Ka Yon, Cà Dong, Ca Dong, Cà Doong.

tre nứa, tranh. Dụng cụ làm nhà là rìu, dao, rựa. Kỹ thuật làm nhà là gá lắp, lợi dụng các ngoàm đỡ có từ 3 đến 4 hàng cột đỡ. Mái nhà thường dốc, phù hợp với vùng núi cao nhiệt đới nhiều mưa, nắng.

Dân tộc Cà Dong sinh hoạt kinh tế chủ yếu bằng khai phá nương rẫy, trồng cây lương thực như lúa, ngô, sắn, rau, cây công nghiệp như đậu, chè, quế, cau, thuốc lá..., trồng cây ăn quả như mít, đu đủ, chuối, chăn nuôi trâu bò, heo gà, thủ công nghiệp thì có các nghề dệt, rèn, đan lát.

Hiện nay người Cà Dong ở Quảng Ngãi đã biết làm ruộng trồng lúa nước. Có thể tạm phân cơ cấu kinh tế của người Cà Dong hiện nay như sau:

- Kinh tế ruộng nước.

- Kinh tế nương rẫy (gồm rẫy trồng lúa, trồng ngô, rau, khoai sắn và nương trồng cây ăn quả, trồng cây công nghiệp).

- Trồng cau, trồng quế.

- Chăn nuôi (trâu bò, heo gà).

- Kinh tế khai thác (săn bắn, đánh cá, hái lượm).

- Nghề thủ công (rèn, dệt, đan lát).

Phương tiện và đồ dùng hàng ngày trong sinh hoạt có rựa, rìu, dao, cuốc, cào cỏ... Dụng cụ đi săn

có tên, ná, bầy chông... Đồ đan lát thì có nong, nia, sần dùng để phơi phóng và làm gạo ăn. Gùi có nhiều loại: gùi đeo là loại gùi nhỏ được trang trí công phu đẹp mắt, gùi to đan thưa bằng lát nứa dùng để gùi củi, rau. Loại gùi to đan kín có trang trí hoa văn rất đẹp là dùng để gùi lúa. Cũng loại gùi lúa nhưng có dáng đẹp hơn, trang trí hoa văn công phu là dùng để đựng của quý được cất trong buồng riêng của chủ gia đình. Đàn ông đeo gùi lép có 3 ngăn được đan bằng mây. Hai ngăn nhỏ dùng để đựng thuốc, trầu cau; ngăn lớn dùng để đựng dao rựa, mũi tên. Loại gùi lép một ngăn là gùi dành riêng cho con gái (*kachui kazy*) dùng để đeo, đựng trầu cau, thuốc khi đi chơi thăm viếng bà con, đi dự hội hè.

Loại gùi này có hình dáng đẹp, thon, tôn thêm vẻ duyên dáng của thiếu nữ Cà Dong.

Về trang phục, đàn ông Cà Dong thường mặc tấm vải choàng màu xanh chàm có viền sọc hoặc màu đỏ có viền sọc xanh trắng quàng chéo từ vai bên này xuống hông bên kia. Vải choàng thường dùng vào lúc trời lạnh hay hội hè, nghi lễ. Thường ngày, đàn ông Cà Dong thích cởi trần. Khố thường là màu xanh chàm, dài 2m, rộng từ 20 đến 25cm, dọc theo đường gấp khố hai bên có viền sọc trắng, đỏ. Hai đầu khố có dải sợi màu đỏ trắng dài từ 10

đến 15cm hoặc những tua sợi được khâu hạt cườm các màu trông rất đẹp mắt.

So với y phục của người đàn ông, bộ y phục của người phụ nữ Cà Dong đa dạng và sinh động hơn nhiều. Bộ y phục cổ truyền của người phụ nữ Cà Dong gồm ribăng buộc đầu, yếm, hai miếng vải choàng từ vai bên này xuống hông bên kia, từ vai kia xuống hông bên này và váy. Màu váy phổ biến nhất là màu chàm, màu đen và thường dài tới giữa ống chân, phù hợp với điều kiện sống miền rừng núi. Ở dọc các đường gấp váy có sọc trắng đỏ và trang trí những hoa văn hình chữ chi, chữ X, đường xiên song song, hình thoi, hình lá cây... Miếng vải choàng thường là một miếng đỏ, một miếng trắng, yếm thường là màu đỏ. Ribăng buộc đầu thường là bằng cườm có màu trắng đỏ vàng tím được khâu theo hoa văn hình thoi, hình tam giác, hình lá cây, chiều dài vừa khít đầu, chiều rộng bằng ngón tay cái. Vòng cổ bằng sợi dây cườm nhiều màu và vòng kiềng bằng bạc, đồng thau, vòng tay bằng đồng hoặc bạc, vòng chân bằng dây cườm nhiều màu buộc vào cổ chân nhiều vòng.

QUAN NIỆM VỀ THẦN LINH

Về tín ngưỡng, người Cà Dong ở Quảng Ngãi quan niệm thế giới chia làm 3 tầng:

1. TẦNG LÒNG ĐẤT: Là thế giới của người lùn (*Yá yang vơ lăh*), cái rẫy của họ chỉ to bằng sãi

tay, nấu cơm gạo tám bằng mu của đồng, họ không quan hệ giao dịch với con người trên mặt đất.

2. TẦNG TRÊN TRỜI: Là thế giới của thần linh cao siêu, đầy quyền thế, cai quản tất cả các loại thần *yiêng*, ma quỷ, con người và vạn vật trên trái đất. Thần linh tối cao nhất là thần *ta róc* (vua tất cả các loài thần). Quan cận thần của *ta róc* là *va dă* (thần sét) có gươm thiêng, khi tuốt vỏ phát ra ánh sáng gây tiếng nổ vang trời.

Thần *pơ linh* cũng là quan cận thần của ông *ta róc*, chịu trách nhiệm điều phối thời tiết, mưa, nắng.

Thần mặt trăng và mặt trời: Người *Kà Dong* quan niệm mặt trăng, mặt trời là hai vợ chồng được ông *ta róc* giao nhiệm vụ theo dõi và định mệnh cho sự sống của con người. Hai vợ chồng thay phiên nhau thức trong ngày đêm (*mặt khô kajri-mặt hy kalô*). Họ không được phép có con vì ông *ta róc* sợ việc theo dõi, cai quản con người không được thường xuyên. Vì vậy hai vợ chồng đã nặn ra con người để cân đối các động vật trên trái đất. Con người sinh ra nam hay nữ, giàu hay nghèo, sống lâu hay chết sớm đều do định mệnh của mặt trăng mặt trời (*Y koh tấh- Y kăh têu*).

3. TẦNG MẶT ĐẤT: Trên mặt đất là thế giới của thần *yiêng*⁽¹⁾, thần *ư-rai*, thần *wing* cai quản

(1) *Yiêng* : Có nơi gọi là *giang*, *giàng*, có nghĩa là trời

con người, cây cối đất nước trong thiên nhiên và các loại ma quỷ hại người.

- *Thần vơ rai* : Là thần cai quản con người, thường xuyên bảo vệ con người (*wế mơ ngai*) để đề phòng sự tấn công của ma quỷ gây hại. Thần *vơ rai* có quyền xin thần mặt trăng, mặt trời tăng tuổi thọ con người làm nhiều điều tốt và giảm thọ cho người làm nhiều điều ác.

- *Thần yiêng*: Là thần cai quản đất đai, đồi núi, cây cối, đá lớn, thác ghềnh, đá vách... Con người muốn lập làng làm nhà, làm nương rẫy phải coi giò gà và cúng xin phép thần *yiêng*.

- *Thần wing*: Là thần cai quản sông nước, con người dùng nước để tắm giặt, để uống và bắt ăn vật nuôi của thần *wing* như tôm, cua, cá. Vì vậy con người phải cúng tế ở nơi nước uống của làng chảy vào suối, vào sông.

- *Thần yiêng vốc mong*: Là thần cai quản nguồn nước. Muốn cho nguồn nước luôn thanh sạch, luôn chảy để con người uống, con người phải cúng *vốc mong* vào những ngày tết đầu năm, ăn lúa mới, tía lúa rẫy.

- *Ma quỷ*: Ma quỷ là ở thế giới bên kia, là nơi không có ánh mặt trời. Đường đi qua thế giới bên kia có một cái cầu dây, giữa cầu có bầy sập hồn. Người chết đi qua cầu phải nộp vòng cổ, vòng tay

hoặc của cải cho người giữ cầu (*Dá ting tong*) mới được qua. Nếu không có của nộp, hồn người chết quay về nhà đòi của cải bằng cách làm cho người sống ốm đau. Vì vậy người Kà Dong có tục chia của cho người chết.

TẬP TỤC THEO CHU KỲ ĐỜI NGƯỜI SINH ĐẼ

Người phụ nữ mang thai từ ba tháng trở lên, mọi người đều rất trân trọng. Trong bữa ăn của gia đình và tiệc tùng của làng xóm đều được dọn hai phần ăn cùng với hai xâu thịt mang về, nếu là lễ đâm trâu hoặc thú rừng săn bắn được. Mọi người tuyệt đối không qua mặt người mang thai, không va chạm đụng phải vì sợ mỗi đầu gối gặp rủi ro và làm cho thai nhi hoảng sợ mà gặp chuyện không may: sẩy thai, thai chết lưu, người mẹ mệt mỏi, ốm đau... Nếu lỡ đụng phải thì phải cúng cho người mẹ và thai nhi bình an (*pa dhố*).

Khi sinh đẻ, người mẹ không được đi lại trong nhà trong thời gian trẻ sơ sinh chưa dứt rốn, sợ nhiễm phải hơi độc từ những vật dụng từ rừng mang về, hoặc quần áo của người trong nhà đi ra ngoài về.

Khi trẻ vừa dứt rốn, họ mời một bà già có uy tín nhất trong làng đến làm lễ đặt tên cho trẻ. Họ làm một con gà quạ (gà đen toàn thân) chặt lấy

mỏ gà để trong đĩa, đặt bên cạnh trẻ đang nằm. Bà già cầm mỏ gà trong tay giơ lên trời khấn mời mặt trăng, mặt trời (*Y kôh, Y kăh*) đến đặt tên cho trẻ. “Hỡi thần mặt trăng vợ, mặt trời chồng, đã nặn ra và định mệnh cho đứa trẻ, nhưng chưa có tên để mọi người gọi, mọi người kêu. Nay tôi đặt tên cho nó, thần đồng ý tên gì thì chỉ vào mỏ gà một úp một ngửa”. Khấn xong, bà già thả mỏ gà xuống sàn nhà khi có một úp một ngửa thì thôi.

Sáng hôm sau, nếu là con gái, người mẹ đeo vòng tay vòng chân. Nếu là con trai, bố làm cho một cái ná nhỏ rồi ẳm đứa trẻ ra trước cửa nhà sàn bắn xuyên một cái lá (cầm ná đặt lên tay đứa trẻ) đã để sẵn rồi mang vào nhà, để cả ná và mũi tên xuyên lá trên trần nhà. Từ đó đứa trẻ được công nhận là một người và mọi người sẽ gọi tên con thay tên bố, nếu là con đầu lòng.

HÔN NHÂN

Hôn nhân của dân tộc Cà Dong ở Quảng Ngãi là hôn nhân một vợ một chồng, không thách cưới và được tổ chức bằng hai lễ đơn giản:

- *Lễ trao vòng: (mot wét)*: Lấy gà giò làm thịt luộc nguyên con để trong đĩa đặt giữa sàn nhà, hai bên là đĩa trầu cau và đĩa vòng bằng đồng. Hai vợ chồng ngồi hai bên quỳ xuống hai tay chấp lên hai đầu gối, đối diện nhau, mặt cúi xuống, ông chú hoặc

ông cậu trong gia đình đứng ra làm lễ xin phép thần mặt trăng mặt trời cho phép hai cháu được làm lễ trao vòng công nhận vợ chồng. Khấn xong, ông xé thịt gà cho hai cháu, hai vợ chồng cầm lấy thịt gà đút cho nhau ăn rồi trao vòng cho nhau, xong họ cầm mỗi người một đĩa trầu cau phân phát cho mọi người. Người chồng phân phát cho bố mẹ, chú bác, anh em họ hàng bên vợ. Người vợ phân phát cho bố mẹ, chú bác, anh em họ hàng bên chồng. Mỗi người cầm miếng trầu cau đều khấn: “Hỡi thần linh, chứng kiến, từ nay trở đi tôi sẽ gọi bằng con rể, con dâu, cháu rể, cháu dâu, anh rể, chị dâu, em rể, em dâu....”, tùy theo vai vế trong gia đình mà xưng hô, khấn xong họ ăn miếng trầu cau đó, ngồi nói chuyện vui vẻ. Đêm đó người mẹ trực tiếp trải chiếu mới cho hai con nằm.

- *Lễ ăn thề và chúc tụng*: Ngày hôm sau hoặc vài ngày sau, họ tiến hành tổ chức lễ ăn thề và chúc mừng hai vợ chồng. Trong lễ này tùy theo khả năng của hai gia đình mà làm heo, bò, trâu. Khi thịt chín, họ bày mâm đủ thứ thịt dâng bố mẹ, chú bác, anh em trong hai gia đình. Hai vợ chồng rót rượu cho mọi người rồi cùng thề: “Trước sự chứng kiến của bố mẹ, chú bác, anh em họ hàng trong gia đình, chúng con suốt đời trung thành với nhau, nếu ăn ở hai lòng sẽ chịu bồi thường của cải đã đổ ra hôm nay và chịu sự phạt của gia đình”.



Hai vợ chồng thề xong, mọi người cùng chúc tụng rồi ăn uống vui vẻ. Lễ cưới xong, hai vợ chồng muốn ở với gia đình bên chồng hay bên vợ cũng được, tùy theo hoàn cảnh của mỗi gia đình, hoặc có thể ra ở riêng, bố mẹ không ngăn cản. Trường hợp bỏ nhau thì bị phạt vạ và bồi thường những của cải đổ ra trong ngày cưới; những trường hợp ngoại tình đồng bào lên án gay gắt và coi là tội trạng. Những kẻ thông dâm bị phát giác sẽ bị phạt vạ để tạ tội với gia đình, xóm làng, với thần linh và bồi thường cho người bị phụ tình. Trai gái Cà Dong tự do tìm hiểu, tự do yêu đương lựa chọn. Khi gặp được đối tượng vừa ý họ báo cho bố mẹ và nhờ người mai mối, cả hai gia đình làm lễ nhận sui gia, hẹn ngày cưới.

Tục cổ truyền người Cà Dong rất tối kỵ người hủ hóa. Người Cà Dong quan niệm hủ hóa gây ra sự rủi ro cho mọi người, cho xóm làng như chết xấu, hỏa hoạn, nắng hạn, mưa lớn lũ lụt gây sụt lở núi (*kan pa-zin*)... Vì vậy, người hủ hóa sẽ bị dân làng phạt vạ: phải cúng cầu an cho gia đình, xóm làng, bến nước uống và nơi con suối mà làng uống đổ ra suối lớn, ra sông, bằng heo, gà và đãi cả làng ăn uống.

Trường hợp người trong họ hàng mà hủ hóa thì phải cúng tạ lỗi gia đình, xóm làng bằng một con

gà trắng, một con heo ba nắm tay trở lên, một con dê, một con trâu hay bò và bắt hai người bị hủ hóa ăn cơm trong máng heo (coi hai người là heo), rồi phải nằm trong chuồng heo một đêm. Sau đó hai người có thể lấy nhau luôn cũng được.

TANG LỄ

Trước kia, người Cà Dong phân biệt ba loại người chết và ba kiểu tổ chức tang lễ khác nhau:

- *Trẻ sơ sinh chưa đứt rốn chết* (chưa làm lễ đặt tên): không được chôn cất dưới đất, chỉ bó bằng mo cau rồi treo bên gốc cây. Vì họ quan niệm rằng trẻ sơ sinh chưa có tên là chưa có linh hồn, mà chỉ là xác thai nhi, tiếng Cà Dong gọi là “*n’ấp*”, người Kinh gọi là “phong long tử”.

Loại chết “*n’ấp*” này không mai táng, không có quan tài, không có cửa cải và không kiêng cử gì hết. Gốc cây treo xác trẻ sơ sinh này không ai dám đến gần, nhất là khi có cơn giông, ai phải đi qua khu vực gốc cây đó phải cầm cột nứa trong người đề phòng có tiếng sét đánh sẽ làm cho “*n’ấp*” thức dậy mà gây hại cho người. Nhưng khi có cột nứa trong người là “*n’ấp*” không dám đến gần, sợ cột nứa cắt đứt rốn của nó.

- *Chết vì ốm đau*: Người Cà Dong cho rằng chết vì ốm đau là chết ngoài ý muốn, chết vì tuổi già là chết theo số định mệnh của trời. Chết hết số định mệnh và chết ngoài ý muốn đều là chết lành, làm

cho mọi người trong gia đình, xóm làng đều thương tiếc. Một người chết, cả làng đều nghỉ để lo việc chôn cất. Người khỏe mạnh thì vào rừng chặt cây làm quan tài, đàn bà con gái thì ở nhà khóc cho người chết theo một giai điệu cố định.

Tiếng khóc không được dứt khi xác chết chưa khiêng ra khỏi làng. Trước khi người chết được bó lại trong chiếc chiếu và vào đòn khiêng, người vợ hay chồng, bố mẹ phải rửa mặt cho người chết, nếu là người lớn quan tài khi làm xong, được khiêng luôn đến nơi chôn cất người chết. Khi đào huyệt xong họ mới đặt xác chết trong quan tài rồi chôn.

- *Chết vì hoạn nạn*: Những người chết vì té ngã, đánh nhau, tự tử, chết trôi, tai nạn lao động đều là chết xấu (*chết pa zing*). Những người chết *pa zing* không được mang xác vào làng, chỉ để mai táng ngoài làng rồi khiêng luôn đến nơi chôn cất. Bên cạnh mộ người chết *pa zing* phải trồng một cây chuối rừng mố⁽¹⁾ (*zu*) để mộ được mát mẻ. Những người đi chôn cất người chết *pa zing* phải rửa mặt, rửa chân tay hoặc tắm mới được vào làng về nhà. Các ngõ vào làng đều được chằng dây ngang có treo bọc chuối rừng mố (*zu*), lá thiên niên kiện và thanh kiếm bằng gỗ được trang trí bằng lọ nôi và củ nghệ (thành 3 màu) để trừ tà vì sợ hồn người chết *pa zing* về làng.

(1) Một loài hoa chuối rừng

Thân nhân trong gia đình phải nghỉ làm việc 6 ngày và không tham dự cuộc vui chơi ca hát trong một tháng, vì sợ tà ma quỷ sẽ xui xẻo trong cuộc sống.

Người Cà Dong quan niệm rằng do linh hồn người chết đi qua thế giới bên kia phải đưa của cải cho *Dá tinh tong* nên người chết phải được chia của và mang chôn theo những vật dụng hàng ngày của người chết và cũng để cho người sống khỏi đau lòng thương nhớ khi nhìn thấy vật dụng của người đã chết.

TẬP TỤC TRONG LẬP LÀNG

Khi gần làng không còn đất để làm rẫy nữa, hoặc trong làng có nhiều người bị chết dịch, chết xấu (chết *pa zing*), hỏa hoạn cháy làng, người Cà Dong bỏ làng cũ, tìm nơi đất mới dựng làng.

Trước khi dựng làng, chủ làng coi giò gà xin phép thần linh, khi giò gà chỉ điềm lành, họ mới đến nơi đất mới làm các thủ tục:

1. Chặt một ống nứa đóng xuống đất, đất vào trong ống nứa dính chặt là được.

2. Đào một hố nhỏ có đường kính một gang tay, sâu hai gang tay rồi bỏ một chén gạo trong hố đây kín lại. Sáng hôm sau gạo trong chén không bị trương là được.

Nếu ngược lại, người Kà Dong sẽ không lập làng bởi lẽ:

- Đất trong ống nứa bị rời là đất xốp, đất xốp không làm nhà được vì dễ bị sụp lở trong mùa mưa lũ.

- Hạt gạo trong chén mà trương chứng tỏ nơi đất đó có nước ngầm nông, dễ bị sập, ẩm mốc, gây cho người ốm đau, bệnh tật tức ngực, khó thở (*ra nuôih*). Vì thế vị trí lập làng dựng nhà của người Kà Dong thường là nơi đất đồi có độ dốc thoải thoải, thoáng mát sạch sẽ. Khi dọn về làng mới, cả làng phải cúng ở đầu nguồn nước nơi bắt máng về làng để uống cho cả làng và cúng giữa làng cầu thần Yiêng đất, nước phù hộ cho dân làng có sức khỏe, bình an trong cuộc sống hàng ngày.

Người Kà Dong hay đặt tên làng bằng tên con suối của làng uống hoặc con sông có suối cả làng uống đổ về. Tên xóm, nóc bằng tên của người đứng đầu (chủ xóm, chủ làng).

TẬP TỤC TRONG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

PHÁT RẦY PHÉP (*LEM A CHEM*)

Sau khi *ká xơ ré* (tết đầu năm) xong, người Kà Dong tiến hành làm lễ *lem a chem* (phát rầy phép chuẩn bị cho mùa rầy tới). Phát rầy phép chỉ dọn

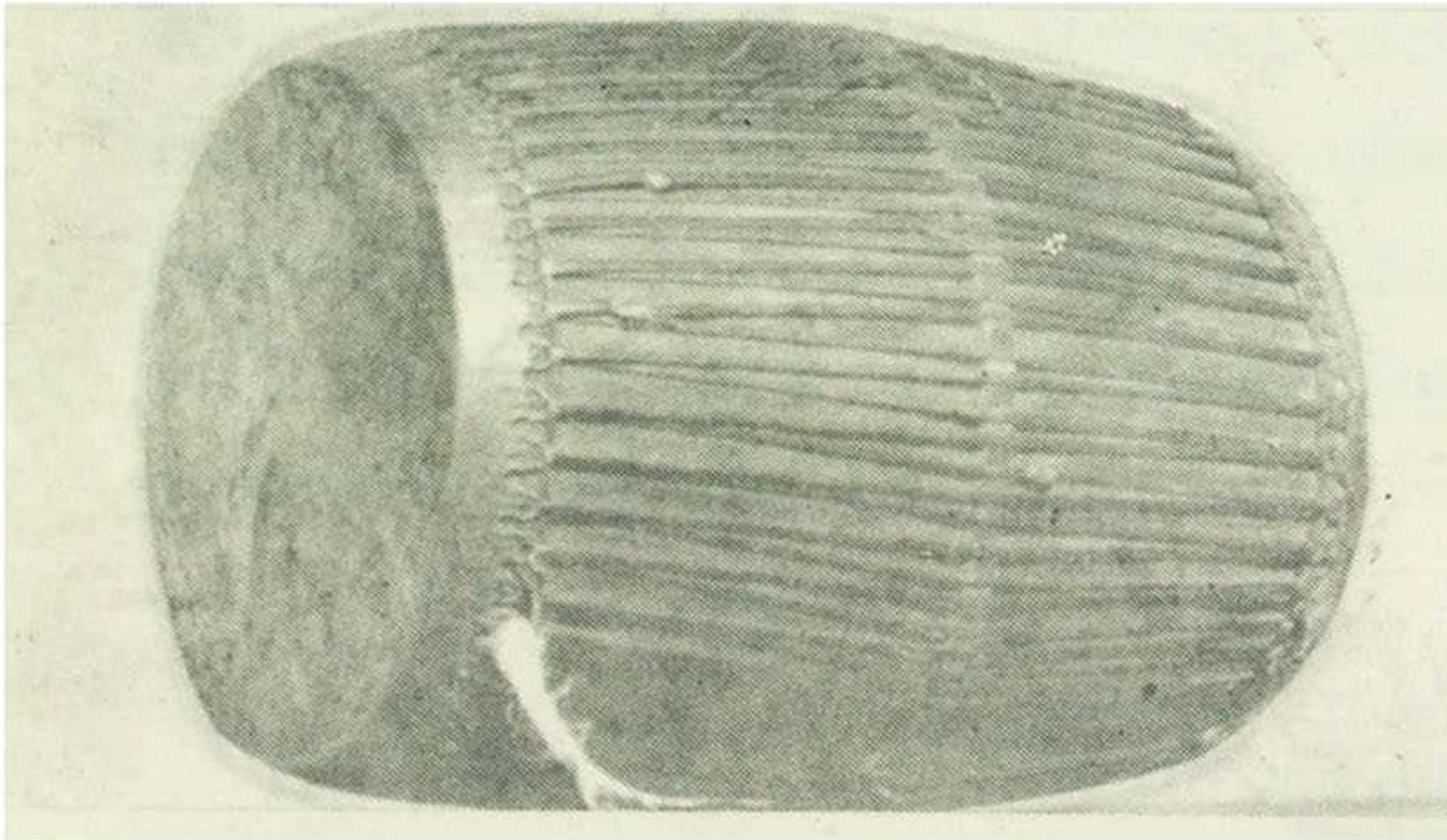
sạch cỏ một khu đất nhỏ rồi chặt một ống nứa to bằng cán rựa đánh dấu làm ba nấc đóng xuống đất. Khi rút ống nứa lên đất vào tới nấc 2, 3 là được. Ống nứa là tượng trưng cho chòi lúa: nấc 1 là sàn chòi, nấc 2 là giữa chòi, nấc 3 là nóc chòi. Sau đó về nhà coi giò gà, nếu giò gà chỉ tốt, họ tiến hành phát rẫy nơi đất đó. Nếu phát rẫy ở nơi rừng già, trước khi phát họ phải cúng *chêm yiêng* (cúng tế xin phép thần đất, thần rừng) và phát quang cây nhỏ, cỏ dại trước rồi mới chặt cây to. Khi cây cỏ trên rẫy khô rồi họ mới đốt rẫy và dọn sạch những cành cây, dây dợ chưa cháy hết.

TRỒNG LÚA PHÉP (*PA DÂM*)

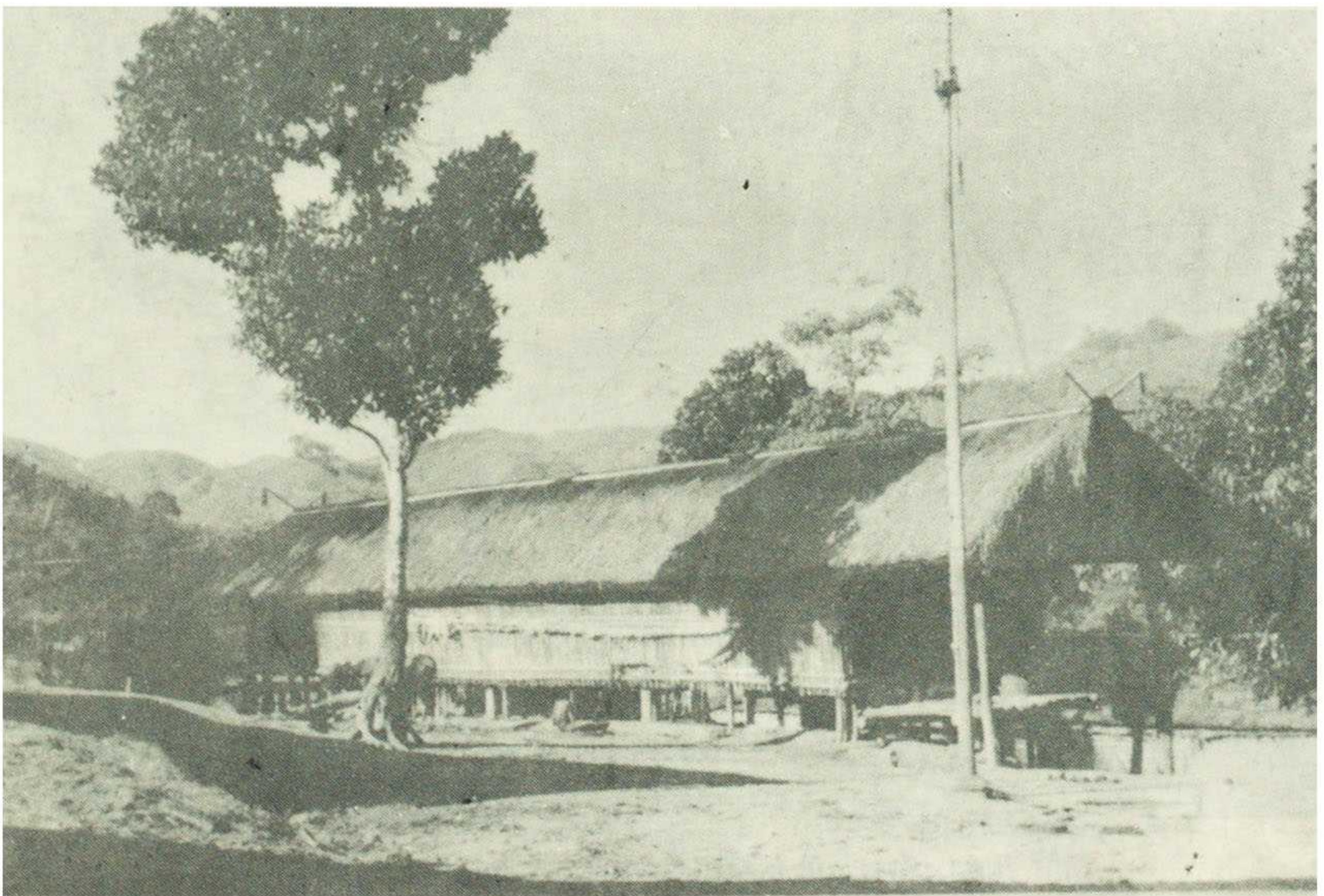
Trước khi trỉa lúa: Khi các gia đình trong làng đã dọn rẫy xong, cả làng tiến hành bắc máng nước uống mới, rồi lấy một con heo đem cúng trên nguồn nước nơi bắc máng nước uống. Tiết heo được rải trên nguồn nước chảy vào máng để cho các gia đình hứng lấy mỗi nhà một ít dùng để tưới vào thùng thóc giống trước khi trỉa.

Sáng hôm sau, họ mang thóc giống lên rẫy trồng lúa phép (lúa *pa dâm*). Lúa phép được trồng mỗi người một gốc tại khoảng đất riêng rồi rào kỹ lại. Vài ngày sau, lúa phép đã nhú mầm khỏi mặt đất, họ mới chọc lỗ tủa hạt lúa chính thức trong rẫy.

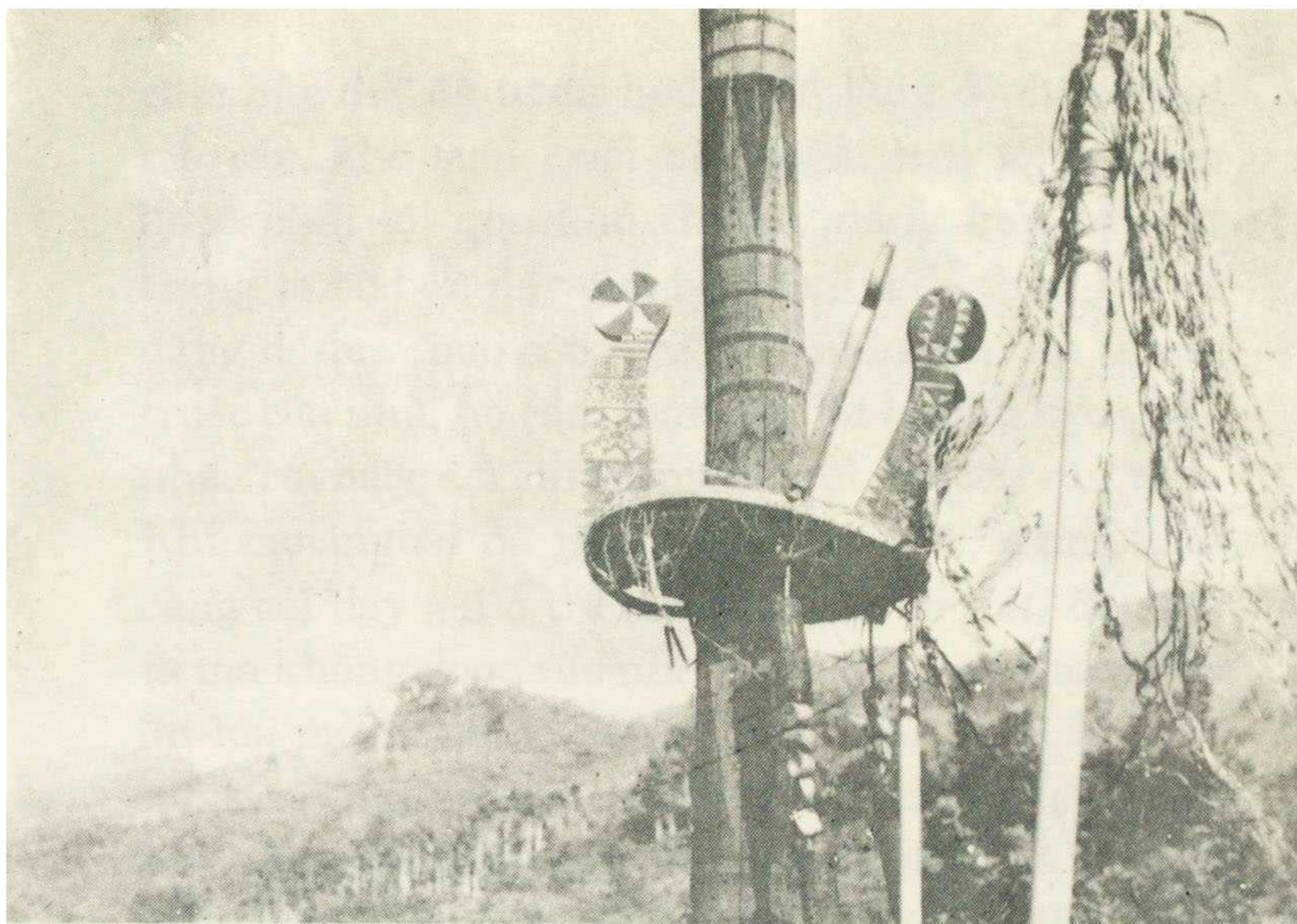
Trong ảnh này gồm các ảnh tư liệu do thạc sĩ Phạm Hùng Thoan (Viên Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam) cung cấp.



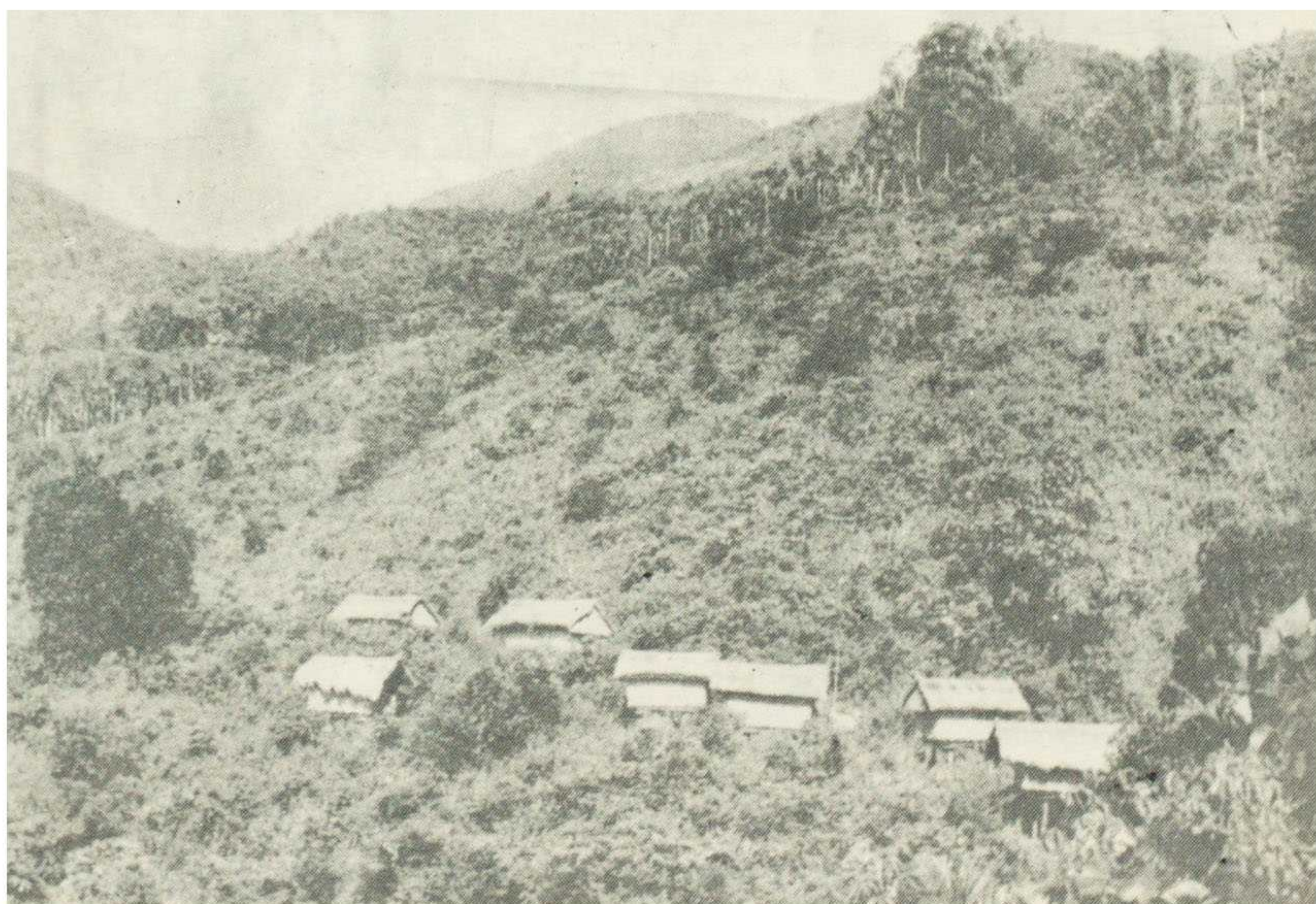
Trống (páo) trong
dàn chỉnh kiêng
của dân tộc Kà Dong



Nhà sàn cổ truyền dân tộc Kà Dong



Phần giữa cột lễ ăn trâu của dân tộc Cà Dong



Nhà chứa lúa của dân tộc Cà Dong



Thiếu nữ Kà Dong trong y phục lễ hội cổ truyền Ảnh: LÊ HỒNG KH

chặt cây đốt để ngọn hương về làng ở những nơi bìa rẫy, khe suối, suối nhỏ. Nếu suối lớn có cầu hoặc phải lội qua khó thì họ giăng một sợi chỉ trắng từ bờ bên này qua bờ bên kia để thần lúa dễ dàng đi qua theo con người về nhà. Tới cầu thang trước cửa nhà, họ cắm một cây đốt hương ngọn vào nhà, rồi buộc sợi chỉ trắng từ mặt đất lên sàn nhà. Khi mọi người đã mang lúa vào nhà, người cuối cùng cài dây gai ở trước cửa (*hơ la vơ riét*) để đuổi tà ma không được vào nhà khi mọi người đang làm ăn lúa mới. Lúa đã sàng thành gạo xong, họ nấu nồi cơm cúng và nồi cơm để ăn. Cơm thịt chín, họ bày giữa sàn nhà cúng tạ ơn thần linh đã phù hộ cho người có sức khỏe, biến từ đất hoang thành ra cơm gạo và cảm ơn *yiêng vơ rai*, *yiêng xơ ri* đã đưa lúa gạo về nuôi sống người. Trước khi ăn, người phụ nữ trong nhà cầm con cua suối cào vào miệng mọi người và khấn: “Cái miệng ăn tham, cái miệng ăn nhiều hãy cút đi, để miệng ăn ít mau no”. Khấn xong họ thả cho cua đi, mọi người mới ăn cơm (nồi cơm cúng cứ để vậy cho hết mùa tốt lúa mới được rửa nồi). Suốt thời gian thu hoạch, mỗi bữa cơm phải để lại một ít cơm trong nồi, không được ăn hết.

RƯỚC THẦN LÚA VỀ CHÒI

Sau khi thu hoạch xong, vợ chồng chủ nhà làm lễ rước thần lúa về chòi. Vợ ngắt những bông lúa

pa tâm (lúa *pa tâm* là thứ lúa trồng mỗi người một bụi trên khoảng đất riêng trước khi tủa lúa rẫy) và những bông lúa còn sót lại trên rẫy bỏ vào gùi. Chồng đứng giữa rẫy quỳ vái thần lúa về theo ông bà và phù hộ cho mùa lúa năm sau. Khi về người vợ đi trước, chồng theo sau. Tới chòi lúa họ cất bông lúa *pa tâm* ở những nơi được coi trọng nhất trong chòi rồi đóng cửa chòi. Đến mười ngày sau hoặc lâu hơn, họ nấu cơm bằng ống nứa ra rìa làng ăn cùng với thịt rừng, thịt cá rồi mở cửa chòi lấy phép một ít lúa mang về nhà làm ăn. Từ đó họ được mang cơm, gạo từ nhà ra ngoài rẫy nướng ăn hoặc cho họ hàng gặp khó khăn.

TẾT ĐẦU NĂM (KÁ XƠ RÉ - PƠ LÂH)

Tết đầu năm *Ká xơ ré* là lễ hội quan trọng nhất trong năm của đồng bào dân tộc Cà Dong, được tổ chức trong tháng *khê ning nong* (tương đương tháng chạp âm lịch) tức là thời gian lúa rẫy mùa trước đã được đem về chòi đến khi có lễ *lem a chem* phát rẫy làm phép chuẩn bị mùa sau.

Mỗi plây Cà Dong ăn tết theo một ngày riêng. Làng nào có tết thì cử người đi mời các làng gần và họ hàng đến dự. Vì vậy dù tết của mỗi làng tiến hành trong 3 ngày nhưng không khí tươi vui khắp

làng xóm muôn nơi của người Cà Dong kéo dài suốt tháng *khê ning nong*.

Sau khi bàn bạc với các già làng, chủ làng và thầy cúng chọn ngày tổ chức *Ká xơ ré - Pơ lâh* báo cho cả làng biết.

Công việc chuẩn bị được bắt đầu bằng việc ủ nhiều ché rượu của mỗi nhà. Trai tráng vào rừng lấy lồ ô, nứa và lá thiên niên kiện để trang trí làm cây nêu. Con gái giã gạo nếp làm bánh, quan trọng hơn là giã gạo từ lúa *pa dâm* là thứ lúa do mỗi người trong gia đình trồng một bụi trên khoảng đất riêng, trước khi bắt đầu mùa rẫy, được người phụ nữ là vợ trong gia đình chăm sóc và tự tay mình tuốt lúa đem về giữ riêng trong chòi để đem ra giã gạo làm bánh dâng cúng thần linh, tiên tổ, thần *ư rai* trong dịp lễ.

Làng bước vào ngày thứ nhất không khí nghiêm trang với niềm tin là các thần cùng tổ tiên đang về dự lễ với người sống. Lễ dâng cúng của từng nhà cử hành bên bếp lửa, người phụ nữ chia cho mỗi người trong gia đình một chiếc bánh thiêng (*a cót ting*).

Ăn bánh xong, từng người cầm lá đốt gói bánh cắm lên mái nhà để làm phép. Người ta tin rằng lá đốt nghiêng về phía bếp thì người cầm sẽ bị đau ốm, xa nhà, lá đốt chĩa thẳng lên trời thì người cầm sẽ được mạnh khỏe.

Sau lễ cúng, không khí trở nên rộn ràng, nhà nào cũng lo nấu bánh, thịt heo, gà để ngày hôm sau đãi khách. Ngày thứ hai, cả làng ra bến nước cùng chủ làng cúng *vóc mong*, *dã ko* cầu cho nước điều hòa, thanh sạch, mùa màng thịnh đạt, mọi người mạnh khỏe.

Cây nêu hai tầng được dựng lên bên máng nước, những sợi dây phép bằng lát nửa có buộc lá thiên niên kiện được giăng quanh làng và trên mỗi mái nhà. Ở lối chính dẫn vào làng, người ta đặt hai tượng cầm kiếm đeo từ cây dương xỉ để trừ tà.

Từ máng nước, các chủ nhà đến thẳng nhà chủ làng dự lễ dâng rượu thần linh và cầu phúc, rồi kéo nhau đến từng nhà thăm viếng, chúc tụng trong niềm vui cộng đồng, dạt dào tình cảm, lâng lâng men rượu. Đêm đến, bên ánh lửa bập bùng, người ta đánh chiêng, hát *ra nghe* đối đáp, hát *ư lék* (ngẫu hứng) kể *muôn* (truyện cổ) chơi đàn *klong vút*, mời nhau uống rượu... Người già người trẻ, con gái, con trai trong làng, khách từ xa đến chơi vui thỏa thích, thâu đêm suốt sáng.

CÁC HÌNH THỨC CÚNG TẾ

Do quan niệm rằng vạn vật đều có thần linh, khi con người ốm đau, gặp rủi ro, không may đến đều do sự trừng phạt, bắt vạ của thần linh nên

người Cà Dong có nhiều hình thức cúng tế thần linh bằng các vật nuôi của mình:

- Ốm đau bất thường, té ngã: cúng *kalá grong*, bằng con gà dồ.

- Ốm đau nặng: Cúng giỗ *va hăh kiêk ka chóc* bằng con heo.

- Để phù hộ cho con người được có sức khỏe và bình an trong cuộc sống thì: Cúng *chem vơ rai* và cúng tạ lỗi *chem mô hao*, rồi cúng *dang ka já* để khấn hẹn ước (có vòng mây) dâng tế heo thiến, trâu bò.

- Trong làm ăn thì cúng ông bà tổ tiên (*vóc mong*), *cót diek mong* và cúng xin *dá ko* phù hộ làm ăn phát đạt, bằng heo, gà.

- Khi ăn lúa mới, ăn tết thì cúng lễ *vóc tao* (ông táo), bằng heo.

- Không khí trở trời, nắng mưa bất thường làm cho người bị chảy máu cam thì cúng *prăh yiêng đô* (ngộ độc), bằng gà giò.

- Khi trường hợp người bị thương hoặc chảy máu miệng thì cúng *ka liêng pa jing*, bằng gà giò.

- Khi đi rừng đi núi người bị mỏi mệt, ốm đau thì cúng *chem yiêng* (thần núi và cây cối) bằng gà.

- Người hay ngủ mê sảng, hay giật mình thì cúng *jók mơ hua* (cúng hồn), bằng heo.

- Người đau tức ngực khó thở thì cúng *ra nuoih*, bằng heo.

- Khi con người bị tê liệt, động kinh thì cúng *gori và kêng*, bằng trứng gà - gà trắng

- Bị xúi quẩy thì cúng *Pa da* bằng gà giò

- Hay thấy bóng người nhưng không phải người thì cúng *Ra nom* (bóng) bằng gà

- Lấy vợ chồng cúng *M'ot wék* và *ta nếp* bằng gà, heo, bò, trâu.

Trong cúng tế người Cà Dong, lớn nhất, điển hình nhất trong cuộc sống hàng ngày là các loại cúng :

* *Cúng đầu máng nước* : Theo quan niệm, đầu máng nước là nơi trú ngụ của thần *yiêng voc- mong*, phải cúng thường xuyên cho thần vui lòng, cho nước không bị cạn kiệt và chảy mãi cho người uống. Chỗ máng nước của làng uống không được tắm giặt, gây bẩn, sợ *voc - mong* giận. Trong thời gian mới bắt ống nước và cúng *vóc - mong*, người ngoài làng không được chui qua máng nước, sợ thần *vóc - mong* bỏ đi theo. Các dịp tủa lúa rẫy, ăn lúa mới, *kă xơ rế-plăh*, chủ làng tổ chức bắt máng nước mới và cúng máng nước bằng gà, heo cho tiết chảy vào máng để mỗi gia đình hứng lấy một ít tưới vào thóc giống, nấu cơm cúng, nấu bánh thiêng ở nhà mình.

* *Cúng tổ tiên* : Người Cà Dong cúng tổ tiên vào những dịp ăn lúa mới, ăn tết đầu năm và trong nhà có nhiều người ốm đau. Cúng ông bà tổ tiên thường cúng trong nhà, ngoài sân, ngã ba đầu xóm để ông bà tổ tiên vui lòng mà phù hộ cho mọi người trong gia đình mạnh khỏe (*Jok mơ hua vơ hăk, Chem mơ hao, chem vơ rai, vơhăk kiêk ka chóc*). Lễ vật gồm heo, cơm, rượu...

* *Cúng ốm đau* : Cúng ốm đau là cúng cho các thần linh, các *yiêng* đất, nước, cây cối, đồi núi, ma quỷ vui lòng không làm hại con người (bằng gà, heo).

* *Cúng trả nợ* : Cúng trả nợ là cúng khi trong nhà có người ốm đau nặng, gặp nhiều điều không may, làm ăn không được yên ổn. Người Cà Dong tin rằng đó là do tổ tiên ở thế giới bên kia bị túng thiếu về quấy rầy con cháu. Vì vậy phải cúng heo cho tổ tiên vui lòng. Trong lúc cúng, người chủ gia đình ra ngoài hiên nhà khấn: “Hỡi thần linh của trời cao đất rộng, thần *yiêng* của sông lớn núi cao, hỡi ông bà tổ tiên, hãy phù hộ cho gia đình con tai qua nạn khỏi, có sức khỏe như con chim *hang* tung cánh giữa trời cao, như chim *kơ liêng ka* bắt cá giữa dòng sông lớn, được vậy gia đình con sẽ làm lễ ăn heo hiến, làm lễ *ká ca pơ* (ăn trâu) để tạ ơn”. Khấn xong họ làm một cái vòng mây nhỏ đeo cho

người ốm rồi tháo cất làm vật chứng cho lời khấn. Một vài năm sau, trong gia đình làm ăn khấm khá, heo gà đầy đàn, đầy chuồng, lúa ngô đầy chòi, họ tính đến lễ trả nợ tổ tiên bằng ăn heo thiến, hoặc ăn trâu (lễ đâm trâu).

LỄ HỘI ĂN TRÂU (KÁ CA PƠ)

Ká ca pơ - tiếng Cà Dong nghĩa là ăn trâu như trên đã nói. Lễ hội *ká capơ* được tổ chức nhằm mục đích tạ ơn thần linh, tiên tổ, đồng thời cũng là dịp để gia đình chiêu đãi họ hàng, làng xóm, qua đó thể hiện gia đình mình làm ăn khấm khá, no đủ.

Năm sau, hoặc nhiều năm sau, khi gia đình đã đủ điều kiện (có 2 - 3 chòi thóc, heo gà đầy đàn) người ta tính chuyện tạ ơn, thực hiện lời nguyện.

Nếu như trong lễ hội đâm trâu của người Hre, Cor và nhiều dân tộc khác ở Tây nguyên, những người dự hội mang thêm rượu thịt đến để góp cùng gia chủ, thì với người Cà Dong, tất cả mọi chi phí trong lễ hội *ká ca pơ* chỉ có một mình chủ nhà lo liệu. Người ta cho rằng như thế là thể hiện sự tận tâm của gia chủ trong việc đền đáp với thần linh, ông bà và mang niềm vui cho bà con, làng xóm.

Lễ hội được tiến hành trong khoảng tháng 3 đến tháng 5 âm lịch (khi lúa rẫy đã thu hoạch xong) nhưng việc chuẩn bị phải bắt đầu từ tháng 2, vì chỉ trong tháng này mới tìm được hoa *riêng*

klung, một loại hoa rừng dùng làm vật liệu trang trí chính cho cây nêu. Gọi là hoa nhưng thực ra đây là một thứ quả, giống như quả phượng vĩ nhưng to hơn nhiều lần. Quả này khi khô có thể đập nhẹ để phần vỏ bật làm đôi (như vỏ quả lông mừi), bên trong là những cánh hoa màu trắng xếp thành dãy. Người ta dùng những cánh trắng này xâu thành chuỗi hoặc kết thành chùm để trang trí cây nêu.

Sau khi đồng ý cho gia chủ làm lễ, chủ làng họp các già làng để bàn bạc và phân công mọi người cùng với *pa dâu* (thầy cúng) giúp gia chủ thực hiện nguyện vọng. Đàn ông, đàn bà trong làng được chia làm 3 nhóm : một nhóm đi hái quả *riêng klung* bó thành bó mang về phơi khô trong bóng râm, một nhóm chặt gỗ nứa, lồ ô làm chuồng trâu và mở rộng thêm sàn nhà; nhóm còn lại tìm chặt lồ ô, nứa và một cây sao thật thẳng để làm cây nêu.

Cây nêu trong lễ hội *ká ca pơ* có chiều cao khoảng 15 - 18m, chia làm 3 đoạn dài xấp xỉ bằng nhau, gắn lại bằng khớp nối buộc dây mây.

Đoạn I (gốc): Ở dưới cùng, là một cây sao đường kính chừng 20cm, đẽo gọt nhẵn, trang trí hoa văn và hình cây cỏ, chim muông cách điệu với các màu đỏ, đen, trắng, vàng rất công phu.

Đoạn 2 (thân): Ở giữa là một cây lồ ô được cuốn chặt chung quanh bằng các chuỗi hoa *riêng klung* màu trắng óng ánh.

Đoạn 3 (ngọn): Trên cùng là những mảnh thân cây nửa chẻ dọc lấy từ gốc đến ngọn, áp vào các khuôn tròn hình phễu thon dần lên phía trên cùng, nơi có gắn một hình chim chèo bẻo làm bằng gỗ tô màu.

Tại điểm nối giữa gốc và ngọn, người ta treo một vòng gỗ đường kính chừng 60 cm, chung quanh gắn những con giống bằng gỗ theo từng cặp âm dương và treo những ống nửa khô kết thành chùm để khi gió thổi va vào nhau phát ra âm thanh róc rách như tiếng suối chảy.

Một con chim hang bằng gỗ tô màu miệng ngậm chuỗi hoa *riêng klung*, đuôi treo một dải đàn bằng lát nửa mỏng trang trí bằng các họa tiết, hoa văn đa dạng, buông dài xuống hết phần thân.

Lễ và hội *ká ca pơ* diễn ra trong vòng 11 ngày, bắt đầu từ ngày ủ rượu cần.

Ngày thứ nhất đến ngày thứ sáu : Đàn ông làm cây nêu, làm lan can mở rộng sàn nhà; đàn bà giã gạo, chắt nửa non nấu cơm làm gạo nếp, ủ rượu cần, trong khi đó gia đình chủ nhà chia nhau đi mời bà con thân thuộc làng nóc xa gần.

Ngày thứ bảy, khách mời tề tựu đông đủ với những bộ váy áo, đồ trang sức đẹp nhất. Sau nghi thức xỏ mũi trâu và cúng dựng nêu, cây nêu được dựng lên giữa một khoảng đất rộng gần nhà đã

được san sửa từ trước. Con trâu được đưa ra khỏi chuồng và buộc vào gốc cây nêu trong tiếng reo vui của mọi người. Lễ dựng nêu và buộc trâu kết thúc khi người ta úp các ống nửa trang trí bằng những dải hoa *riêng klung* lên 2 sừng trâu.

Tiếng hú của *pa dâu* (thầy cúng) mở đầu cho 3 tiếng hú dài của gia chủ và mọi người, cùng với tiếng chiêng vang lên dội vào rừng núi, dội lên trời cao, chảy xuôi theo con suối lớn, chảy ngược theo nguồn suối nhỏ, báo cùng thần linh, ông bà, làng nóc. Lễ *ká ca pơ* đã chính thức bắt đầu.

Lúc này trời đã bắt đầu ngã vào đêm. Ngoài sân cột trâu khách mời và dân làng đứng vòng quanh cây nêu, chừa ra một khoảng rộng, trong nhà *pa dâu* và chủ nhà đi song song dẫn đầu những người mang chiêng và gia đình đi vòng quanh sân nhà 3 vòng trong tiếng chiêng bịt rồi bước ra theo cửa chính để đến sân cột trâu. *Pa dâu* mang trầu cau và một bát nhỏ đựng rượu, chủ nhà cầm trái bầu đựng rượu và một bát uống rượu đến trước cửa. *Pa dâu* hất bát rượu lên trời và khấn trong khi chủ nhà rót rượu ra bát và mời ông uống bát rượu đầu tiên. Tiếp đến chủ nhà và *pa dâu* bước ra, liền sau họ là một người nhà mang chiêng quý nhất của gia đình và một người khác cầm trên tay con khỉ (*d'hók*) làm bằng gỗ, có hệ thống ròn rọc, vừa đi

vừa kéo làm cho nó nảy lên theo nhịp chiêng. Sau bốn người này là những người mang chiêng, người nhà và những người mời rượu (là các cô gái trang phục ngày hội) vừa đánh chiêng vừa mời rượu. Đoàn người vòng quanh cây nêu 3 vòng, lại vào nhà đi 7 vòng, trở ra đi 7 vòng nữa để thấy cúng và người nhà vào cúng ông bà. Những người khác tiếp tục vòng quanh cây nêu, vừa đánh chiêng vừa nhún theo nhịp chiêng (theo điệu *ca chêu*). Sau đó là hòa tấu chiêng trống, đấu chiêng với sự tham gia múa nhẩy của mọi người. Lửa từ những bó lồ ô đã nổi lên sáng rực, chiêng trống rộn ràng, mọi người uống rượu, nhẩy múa, hát *ra nghề* thâu đêm.

Quá nửa đêm, người dự hội có vẻ như đã thừa dần vì những đôi trai gái bắt ý nhau đã giãn dần ra để tán tỉnh, nhưng không khí say sưa, nồng nàn vẫn tràn đầy đêm hội, người đánh chiêng vẫn đánh, người múa vẫn múa. Tất cả như làm nên cho những câu yêu đương nồng cháy của từng đôi trẻ, và lời nhỏ nhẹ tâm tình của những người đứng tuổi mà vào thời xuân sắc đã yêu nhau nhưng vì lý do nào đó chẳng lấy được nhau.

Rạng sáng ngày thứ tám, cuộc vui tạm dừng nhường lại cho phần lễ. Đứng trước cửa nhà, hướng về phía cây nêu buộc trâu, đằng sau là gia đình chủ nhà, *pa dêu* hú lên một tiếng dài mời các thần

linh, các *giàng*, các *va rai* và tổ tiên ông bà chứng kiến việc thực hiện lời thề. Chủ nhà cầm trong tay một chiếc dao nhọn sắc và chiếc vòng mây giao hẹn mà bấy lâu nay ông cất giấu kỹ lưỡng, lên tiếng khấn: “Hỡi thần linh của trời cao đất rộng, hỡi thần linh của núi cao sông dài, hỡi ông bà tổ tiên! Đây là chiếc vòng giao hẹn của con với thần linh, ông bà, nay con xin chặt đứt nó đi, cầu mong thần linh, ông bà sướng cái bụng, ung cái tai vì cuộc đáp lễ tạ ơn này”. Sau lời khấn, ông đặt chiếc vòng hẹn ước lên sừng trâu, dùng con dao nhọn chặt đứt và rồi đưa mũi dao đâm con trâu làm phép. Trai làng và mọi người chực sẵn quanh ông tiếp vào đâm trâu làm lễ.

Trâu ngã, tất cả lại hú lên ba tiếng, nổi chiêng trống vang lừng. Con trâu được đem xẻ thịt, dùng cho tiệc ăn uống. Đầu trâu được chặt lấy, buộc vào gốc cây nêu. Thịt trâu vừa luộc chín, hai ché rượu ngon nhất được chủ nhà mang ra để mời thầy cúng, chủ làng, những người cao tuổi, khách quý.

Không chỉ thịt trâu, chủ nhà còn mổ heo, gà, mang các ché rượu ra để đãi mọi người no say rượu thịt, tận hưởng niềm vui, đánh chiêng, múa hát, tâm tình thâu đêm suốt sáng.

Đêm thứ chín, gọi là *ka chêu gâu ka pơ* (múa hát đánh chiêng quanh đầu trâu). Trong ánh lửa

bập bùng, mọi người chia ra từng nhóm quanh cây nêu có buộc đầu con trâu: nơi này ăn thịt trâu nướng, uống rượu cần: nơi kia hát *ra nghệ*, xa hơn, dưới bóng những tàn cây là những đôi trai gái quen nhau từ đêm trước giờ lại gặp nhau tỏ tình, tâm sự rồi lại dắt nhau ra nhảy múa, đánh chiêng quanh cây nêu, thấm mệt, lại trở vào uống rượu cần, ăn thịt. Niềm vui *ka chêu gâu ka pơ* lan khắp núi rừng.

Sáng ngày thứ mười, khách xa ra về, những người còn lại kéo đi phát rẫy cho gia chủ. Đến trưa chủ nhà lấy bã rượu, bùn đặt sẵn trước cửa, để những người phát rẫy trở về dùng nó để ném vào người ở nhà. Người nhà ném lại và lùi dần vào trong. Những người phát rẫy “giành phần thắng”, xông vào nhà giằng ngay lấy hũ rượu mà họ nhìn thấy đầu tiên để uống. Mọi người lại cười nói vui vẻ, mang rượu mời nhau.

Ngày thứ mười một, khách khứa ra về. Chủ nhà đem sừng, xương, sọ và hàm trâu treo lên xà nhà, lấy hũ rượu ngon ra mời *pa dâu* và những người giúp việc để tỏ lòng biết ơn. Lễ hội *ká ca pơ* coi như kết thúc khi *pa dâu* ra về, chủ nhà mang chân trâu và đuôi trâu treo lên bếp lửa để ăn trong những ngày tía lúa sau đó.

Trong phong tục tập quán của dân tộc Cà Dong, ta thấy có nhiều tập tục, tập quán đã lạc hậu lỗi

thời cần phải loại bỏ như : tập tục chia của cho người chết, trẻ sơ sinh chết không được chôn cất dưới đất, ồm đầu phải cúng tế. Song cũng có nhiều phong tục tập quán tốt đẹp như : *Ká xơ ré - plâh* (tết đầu năm); lễ đâm trâu, lễ hội mang tính văn hóa cộng đồng cao, và những kinh nghiệm quý báu như : chọn đất để làm nhà ở rất phù hợp với hoàn cảnh thiên nhiên và môi trường sống ở miền núi.

Ngày nay, để phù hợp với cái chung trong lao động sản xuất, trong thời gian làm việc, ngày lễ, ngày tết, thống nhất chung cả nước, phần nhiều đồng bào Cà Dong ở tỉnh Quảng Ngãi đã tự nguyện ăn tết chung với tết cổ truyền của dân tộc Kinh.

Xét về thời gian thì cũng có sự trùng khớp giữa tháng *khơ ning nơng* của người Cà Dong với tết truyền thống của dân tộc Kinh, nhưng các thứ tự cách thức của lễ thức trong *ká xơ ré* và *pơ lăh* nên giữ nguyên theo tập quán truyền thống của dân tộc Cà Dong, mà nhiều nơi hiện nay đã lãng quên.

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN

Văn học dân gian của người Cà Dong rất phong phú đa dạng, mang sắc thái hoang đường và đậm đà chất trữ tình dân gian. Thần linh được miêu tả đầy quyền uy, người hiền lành quả cảm, thông minh được thần linh phù hộ, sống mưu mô xảo trá

bị thần linh trừng trị. Trong các truyện cổ đều toát lên khát vọng tiêu diệt kẻ ác, cái nghèo khổ để vươn lên một cuộc sống tốt đẹp.

Nhạc cụ dân tộc Cà Dong phổ biến nhất là trống nhỏ vỗ bằng hai tay cùng với nhạc cụ chiêng. Chiêng gồm có 3 loại:

- + Chiêng bằng lớn (*ching nâng*) có 6 chiếc dùng đánh trong lễ đâm trâu và đấu chiêng. Trong bài đấu chiêng, trống vỗ là chủ đạo về nhịp điệu.

- + Chiêng nhỏ (*ching hlênh*) có 12 chiếc dùng cho hòa tấu, có bài bản cố định.

- + Chiêng nùm thường chỉ có 3 chiếc, chiếc nhỏ nhất dùng để đánh cầm chịch nhịp, còn hai chiếc lớn dùng để đệm. Chiêng nùm ở người Cà Dong chủ yếu là dùng để đệm nhịp điệu cho dàn chiêng bằng nhỏ 12 chiếc (dàn chiêng *h'linh* 15 chiếc, trong đó có 3 chiếc chiêng nùm) thường đánh trong các ngày hội vui của làng.

Nhạc thổi gồm có sáo dọc, *a mam* dùng để thổi những bài tâm sự, bài ghép đôi trai gái trong chiều tối, hoặc sáng sớm tinh mơ...

Sôi nổi nhất trong các loại nhạc cụ vẫn là loại đàn dây. Đàn dây có nhiều loại :

- + Loại 16 dây (*vơ róc a khung*) dùng để đánh thay đàn *tơ rưng* nước.

+ Loại 9 dây (*vơ róc krâu*) dùng để đánh thay đàn chiêng *h'lenh* (đàn chiêng bằng loại nhỏ) và đệm cho các bài hát dân ca trong kể *muôn*, trong bài *ka lêu*...

+ Loại 3 dây (*vơ róc tru*) dùng để đánh những bài nhạc buồn (bài khóc cho người chết) và đệm các bài dân ca trữ tình, thường là người hát tự đệm đàn.

+ Loại đàn 2 dây (*vơ róc jiêng*) dùng để đánh các bài sôi nổi, tiết tấu dồn dập và đệm cho các bài *ka lêu* ca ngợi tình yêu đôi lứa, tình yêu quê hương xóm làng rộn ràng tươi vui.

Dân ca dân tộc Cà Dong rất đa dạng và phong phú, trong cuộc sống thường ngày họ hay hát những bài *kê lêu* ca ngợi tình yêu, ca ngợi tình đoàn kết xóm làng, ca ngợi anh hùng đánh giặc bảo vệ plây, ca ngợi người siêng năng, cần cù trong lao động sản xuất. Tùy lúc, tùy nơi mà hát các bài có nội dung phù hợp với từng hoàn cảnh. *Ra nghệ* là những bài hát đối đáp. Hát *ra nghệ* thường có hai loại :

+ Hát đối đáp trong hai người : Thường là một người hỏi, một người trả lời hoặc tâm sự nỗi niềm sâu kín trong lòng cho người yêu, cho bạn, cho người thân thay cho lời nói.

+ Loại thứ hai là hát đối đáp tập thể giữa thanh niên làng này với làng khác trog các dịp tết đầu năm (*pơ lăh*).

Nội dung chủ yếu là thi tài đối đáp, thử trí thông minh của đôi bên hoặc một bên nam, một bên nữ. Nếu hai bên ngang sức ngang tài thì họ thường đến với nhau thành tình yêu đôi lứa rồi thành vợ chồng.

Văn hóa dân gian dân tộc Cà Dong rất phong phú, mang sắc thái riêng của tộc người khá rõ. Song hiện nay nhiều loại đã bị mai một và quên lãng như hát *ra nghệ* đối đáp tập thể, *ká a mam* ghép đôi nam nữ chỉ còn lưu lại trong người già kể lại, lũ con trai, con gái bây giờ không còn ai biết nữa. Điều này đặt ra sự cấp thiết phải có sự quan tâm hơn nữa trong việc sưu tầm, bảo tồn để văn hóa dân tộc Cà Dong nói riêng và các dân tộc thiểu số ở Quảng Ngãi nói chung mãi là tài sản quý trong kho tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam.

TRUYỆN CỔ KÀ DONG

SỰ TÍCH DÂN TỘC KÀ DONG

Ngày xưa có hai anh em dân tộc Xơ Đăng tên là *Ra đăm A Dét* và *Ra đăm A Dong*. Hai anh em A Dét, A Dong đều có tài bắn nỏ, phóng lao, rèn dao rựa giỏi và hát *ra nghe, ka lêu* hay. Họ quý mến nhau, sống với nhau chan hòa, đầm ấm và quăn quýt bên nhau như hình với bóng.

Một hôm, hai anh em đi phát rẫy, bắt được một con chúc⁽¹⁾. A Dét dặn em : " Anh đi tắm bên sông Krong, em làm thịt con chúc, anh tắm về hai anh em cùng ăn cơm trưa". A Dong vâng lời anh liền chụm lửa làm thịt con chúc. Nồi thịt chúc đã nấu chín, bốc mùi thơm nức, thêm quá, A Dong bốc lấy một miếng ăn thử, thịt chúc ngon quá. A Dong định lấy miếng nữa nhưng nghĩ đến anh đi tắm chưa về nên lại thôi. Đợi mãi cũng không thấy anh về, A Dong nằm nghỉ rồi ngủ thiếp đi bên cạnh gói cơm và nồi thịt. Một con mèo đi qua, nghe mùi thịt thơm liền đến bên cạnh nồi, đẩy vung ra chén sạch rồi chạy biến vào rừng.

A Dét tới sông Krong định nhảy xuống tắm bỗng nghe tiếng hót rộn ràng của bầy chim *dong*⁽²⁾ đang lượn vòng trên trời cao rồi sà xuống dòng sông tắm.

Cả bầy chim xòe những đôi cánh lấp lánh dưới nắng vàng tung tăng bơi lội trên mặt nước của dòng sông.

A Dét nhìn theo bầy chim đang tắm, bỗng bầy chim biến thành nàng tiên. Các nàng tiên đẹp tuyệt ! Họ đang tắm, đang bơi lội, vui đùa, cười nói vang cả một khúc sông. Nhìn bầy tiên tắm, A Dét ngẫu hứng cất giọng *ka lêu*:

Đàn chim dir⁽³⁾ *tắm trên sông Krong*

Đàn chim dong tắm trên sông Kân

Lấp lánh dưới ánh nắng vàng

Bầy chim vơ rặng⁽⁴⁾ *biến thành nàng tiên*

Ước gì anh được đứng bên nàng

Nhẹ nhàng cầm tay nàng

Cùng trao nhau nụ cười duyên

Trong tiếng chiêng rộn ràng, của làng vào hội

Ôi ! Nàng ôi ! Ôi nàng ôi !

Hoa rừng của anh ơi !

A Dét hát mãi, hát mãi, tiếng hát vang cả dòng sông. Những nàng tiên đang tắm nghe tiếng hát của anh biết là có người, liền biến trở lại thành

chim, vỗ cánh bay lên trời cao. A Dét nhìn theo bầy chim dong bay cao mãi, rồi mất hút trên nền trời xanh bao la.

Bài *ka lêu* ngẫu hứng của A Dét được truyền mãi đến ngày nay thành bài dân ca quen thuộc của dân tộc Xơ Đăng, dân tộc Cà Dong.

Khi sức tỉnh trở lại, A Dét chợt nhớ là mình chưa tắm, anh định nhảy xuống sông tắm nhưng lại thôi vì thấy bụng còn cào, dạ dày nóng ran như có đàn kiến bò. A Dét biết mình đang đói vì lúc bấy giờ mặt trời đã xế về hướng tây. A Dét vội chạy về, tối rầy thấy A Dong đang ngủ, bên cạnh mo cơm vẫn còn nguyên nhưng nồi thịt thì không còn miếng nào. Thấy trên môi của A Dong có dính mỡ, A Dét tức giận cực độ, tưởng A Dong đã ăn hết phần thịt của mình, liền quơ tay vớ lấy một cành cây quất túi bụi vào người A Dong và chửi : "Đồ chó má ăn tham". Giật mình tỉnh dậy, vừa đòn đau, vừa bị chửi , A Dong vội chạy biến vào rừng. A Dét đuổi theo nhưng không kịp, đành quay về rầy ngồi ôm đầu khóc vì tức giận và ân hận bởi miếng ăn mà đánh em. A Dét ngồi đợi mãi cho đến tối mịt cũng không thấy em, đành lủi thủi trở về làng một mình. A Dong nghe bước chân của anh đuổi theo thì càng chạy thục mạng một mạch không dám ngoái cổ nhìn lại. A Dong chạy mãi,

chạy hoài đến lúc trời tối mịt anh mới dừng lại và trèo lên cây ngủ.

Sáng hôm sau, tỉnh dậy anh thấy mặt trời đỏ rực đã mọc ở hướng đông, anh tụt xuống dưới gốc cây, nhắm thẳng hướng mặt trời mọc bước tới. A Dong đi mãi, đã tới hai ba lần trăng tròn. Khát thì uống nước suối, đói bụng thì ăn trái cây, lá cây rừng trừ bữa.

Một hôm, anh đến một vùng đất không còn thấy rừng già mà toàn là đồng lúa xanh rờn mọc trên mặt nước. A Dong dừng chân suy nghĩ và lấy làm lạ. Tại sao lại có giống lúa trồng được dưới nước, anh chưa nghe thấy bao giờ. A Dong đứng nhìn xung quanh, thấy gần đó có một túp lều tranh đang bốc khói, A Dong bước tới gần thấy một cụ già đang ngồi nấu nước chè xanh. A Dong lên tiếng chào cụ già, cụ già quay lại trở mắt nhìn anh, không hiểu anh nói gì. Cụ già ngồi nhìn anh một lúc, biết anh là người khác tộc từ xa đến, liền ra hiệu cho anh vào lều ngồi. A Dong hiểu ý, từ tốn bước vào lều ngồi.

Cụ già thấy A Dong hiền lành chất phác, liền rót nước chè xanh mời. A Dong đỡ lấy bát nước chè xanh uống một hơi rồi cúi đầu cảm ơn ông già, ông già gật đầu, hai người nhìn nhau cười.

Trời sẩm tối, cụ già mời A Dong về nhà mình, tin có khách lạ đến mọi người trong làng đến ngồi

ngắm nhìn anh. Thấy anh đẹp trai, hiền lành, mọi người đều muốn nói chuyện với anh nhưng anh không hiểu, vì họ nói tiếng gì đó, khó nghe lắm. Tất cả những người ở đây họ không giống như người Xơ Đăng của anh từ cử chỉ, hành động cho đến ăn mặc. Đàn ông con trai thì buột khăn trên đầu, cái khố không có cái đuôi phía trước. Đàn bà con gái thì đội khăn lên đầu, mặc cà tu dài phủ cả bàn chân, cổ tay, cổ chân đều đeo vòng đồng, vòng bạc.

A Dong ở với ông già hơn một mùa trăng thì anh đã nghe và hiểu được tất cả tiếng nói của mọi người, và được biết họ là người Hre.

Ông già có một cháu gái, đã có đôi ngực căng tròn rồi mà vẫn chưa chịu lấy chồng. Thấy A Dong hiền lành, to khỏe và giỏi bắn nỏ, phóng lao, cô đem lòng yêu mến. A Dong cũng rất yêu cô gái nhưng không dám thổ lộ. Ông già tinh ý biết được qua cử chỉ, ánh mắt của hai người, bèn gọi cả hai đến và nói : " Ông biết hai cháu ưng nhau, được, ông sẽ tổ chức lễ cưới cho hai cháu". Cả hai người cúi đầu tạ ơn ông già. Chàng A Dong rất thương vợ nhưng không biết cùng làm những công việc, từ cày cấy cho đến gặt hái đều quá xa lạ với A Dong. Vì vậy A Dong đành xin phép ông già lên vùng cao làm nghề nương rẫy để sinh sống. Từ đó trên triền núi cao, họ thấy nóc nhà, nương rẫy của vợ chồng A Dong mọc lên ngày một nhiều.

Năm tháng trôi qua, họ sinh con cái, lấy vợ lấy chồng và lập xóm làng trên cái triền núi cao phía tây tỉnh Quảng Ngãi, phía đông bắc tỉnh Kon Tum. Do sống cách biệt với người Xơ Đăng, người Hre, họ thành một tộc người riêng biệt, nhưng nói một nửa tiếng Xơ Đăng, một nửa tiếng Hre. Đó là tổ tiên của người Cà Dong ngày nay.

Truyền thuyết trên, một số vùng Cà Dong ở tỉnh Quảng Nam lại kể : Ngày xưa, có một tốp người Xơ Đăng đi rừng bắt người phụ nữ Hre, người Kua (Kor) để bán cho người Lào và dân tộc khác. Nhưng khi bắt được con gái người Hre, người Kua, họ thấy đẹp quá nên lấy làm vợ luôn rồi lập làng sinh sống bằng nghề nương rẫy. Họ sống với nhau đã tới hơn ba mùa rẫy, người vợ đã sinh con nhưng trong lòng vẫn da diết nhớ thương bố mẹ, quê nhà. Một hôm, nhân lúc chồng lên rừng săn bắn, người vợ quyết định chạy trốn, nhưng thấy đứa con còn nhỏ quá không thể bế mang theo được, nàng đành vắt sữa để trong ống nứa rồi bỏ con chạy trốn. Người vợ chạy mãi suốt ngày đêm không nghỉ, tới đỉnh núi Ha Wác Pók, bầu sữa của cô căng lên không thể chạy được nữa, cô đành ngồi nghỉ và múc nước suối Pók uống. Cô chợt nghĩ tới đứa con sẽ sống ra sao nếu không có sữa uống. Bỗng cô giật mình sững sờ khi nhìn thấy người chồng không có cưới xin đang

ôm đứa con chạy đến bên cô quỳ xuống van xin cô đừng trốn chàng và đứa con. Người vợ ngắm nhìn chàng âu yếm đỡ lấy đứa con rồi cho con bú. Từ đó hai vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc và dựng nhà lập làng dọc các triền núi cao ở phía tây Quảng Ngãi và phía tây nam tỉnh Quảng Nam. Tiếng nói pha lẫn Xơ Đăng với Hre. Đó là tổ tiên của người Cà Dong ngày nay ♦

(1) Con chúc : Còn gọi là con dúi, một loài động vật rừng, có dáng giống như con chuột nhưng có lông mọc, mồm ngắn, nặng khoảng 2-3kg.

(2) Chim dong: Tức chim nhông.

(3) Chim dir: Chim chèo bẻo mái, biểu trưng của tình yêu.

(4) Chim vớ răng: Cũng là một loài chim chèo bẻo có màu lông đen láy (vớ răng có nghĩa là đen)

NGƯỜI LÙN DƯỚI LÒNG ĐẤT

Ngày xưa có một gia đình người Cà Dong sống trong cảnh túng thiếu vì lúa ngô khô héo do nắng hạn kéo dài. Để sống qua ngày, họ phải kiếm rau rừng, củ mài trừ bữa.

Nhưng củ mài kiếm mãi cũng cạn dần, họ phải đến những khu rừng xa, thỉnh thoảng mới còn gặp một vài gốc củ mài, củ khoai tím. Một hôm người chồng đi từ khu rừng này đến khu rừng khác vẫn không có củ mài, khoai tím. Mệt quá, anh đặt lưng bên gốc đót nằm nghỉ, bỗng nghe tiếng soàn soạt của con dúi đang ăn rễ đót. Mừng quá anh bật dậy nhổ cây đót thấy con dúi đang bới đất, anh vội quơ tay bắt nhưng không kịp. Con dúi đã chui xuống đất mất hút, chỉ còn lại cái hang sâu. Anh chặt cây đào đất, đào mãi cũng không thấy con dúi đâu, bỗng mặt đất rung chuyển sụp xuống, kéo anh ngã theo dưới hang sâu.

Đáy hang là thế giới của người lùn *Yá yang vơ lăhk* ở dưới lòng đất. Người *Yá yang vơ lăhk* đang vui chơi ca hát thì nghe một tiếng nổ dữ dội, làm rung chuyển cả mặt đất, làm cho người lùn đều nghiêng ngả. Khi bình thường trở lại, họ thấy một người khổng lồ nằm chết ngất.

Tất cả mọi người lùn đều chạy đến bên cạnh người khổng lồ, họ trố mắt nhìn, ngạc nhiên hỏi

người lùn có tóc bạc phơ:" Thưa người già ! người khổng lồ này là ai ? Và từ đâu rơi xuống đây ?" Người lùn có tóc bạc trả lời : "Hỡi các con ! Đây là giống người khổng lồ sống trên mặt đất, còn vì sao ông ta rơi xuống đây, chính già này cũng chưa rõ. Bây giờ chúng ta phải cứu cho nó sống lại đã, rồi sẽ hỏi sau, các con hãy lấy thuốc *pa gang* cho ta". Các người lùn lên tiếng "ạ" rồi đưa thuốc *pa gang* cho người lùn có tóc bạc. Người lùn già cầm chén thuốc *pa gang* trèo lên người khổng lồ cho uống rồi lấy ngọn cây thuốc *pa gang* chọc vào lỗ mũi bên phải, lỗ mũi bên trái nhiều lần. Bỗng người khổng lồ hắt xì hơi một cái, tất cả người lùn đều tung lên bay lả tả như lá vàng rơi xuống mặt đất rồi lom còm bò dậy, thấy người khổng lồ sống lại, họ đều reo hò vui sướng. Khi tỉnh dậy, anh thấy xung quanh toàn là người lùn, thân xác của họ không bằng đứa trẻ mới đẻ. Một người lùn tóc bạc hỏi anh : "Này, con người khổng lồ kia, tại sao ông rơi xuống đây ?" Nghe người lùn hỏi bằng tiếng người Kà Dong, mừng quá anh thuật lại tất cả sự việc dẫn đến té ngã xuống đây.

Nghe anh kể tất cả người lùn đều xúc động. Người lùn già thương hại nói : " Chà, người khổng lồ sống trên mặt đất cũng cực vậy sao ? Tội nghiệp quá hè". Và anh hỏi lại người lùn : " Các anh là ai? Đây là đâu ?". Người lùn già trả lời: "Chúng tôi là

giống người *Yá yang vơ lăh*, sống ở dưới lòng đất. Vừa rồi, chúng tôi thấy ông từ trên mặt đất rơi xuống đây bị chết ngất, chúng tôi đã cho ông uống thuốc và lấy ngọn thuốc *pa gang* (một loại cây thuốc họ nghệ) chọc lỗ mũi ông mới thở được đấy ! Và đây số *pa gang* còn dư chúng tôi biếu cho ông luôn, phòng lúc ốm đau mệt mỏi để ông dùng". Anh đưa tay đón lấy củ thuốc, gặt đầu cảm ơn người lùn tóc bạc. Người lùn tóc bạc nhìn anh cười nói : " Bây giờ, chắc ông đói bụng lắm rồi, mời ông ăn cơm". Người lùn già hú một tiếng dài, lập tức có hàng trăm tay bê mu cua đồng (*ka tiêm cho*) đưa cho anh, anh đón lấy nhìn kỹ mới thấy trong mu cua có cơm trắng, lúc này anh mới hiểu ra họ nấu cơm bằng mu cua đồng. Mùi cơm thơm phức. Đang đói, anh đưa cả mu cua vào miệng nhai ngon lành, anh ăn tới hàng trăm chiếc mới thấy no cái bụng.

Khi bụng đã no, anh liền đứng dậy bước chân đi dạo xung quanh. Đi đến đâu anh cũng thấy cái nhà của họ chỉ to bằng cái chòi lúa, rẫy của họ chỉ bằng hai sải tay, họ nấu cơm gạo tẩm bằng mu cua đồng. Công việc hàng ngày, đàn ông làm rẫy để có lúa gạo, đàn bà bắt cua bóc lấy mu cho tẩm vào nấu cơm. Họ không ăn rau. Hàng ngày họ chỉ làm việc một buổi, còn lại là ca hát. Tiếng hát của người *Yá yang vơ lăh* giống như tiếng đế kêu nhưng trong trẻo và cao vút làm cho người nghe xốn xang, sáng khoái cả tâm hồn.

Viếng cảnh xong, anh quay lại chỗ có hang thông lên mặt đất, lấy những hòn đá xếp thành hình chóp núi cao dần cho tới miệng hang, anh với tay trèo lên mặt đất và giơ tay từ biệt với người *Yá yang vơ lăh*. Bỗng một tiếng nổ, mặt đất rung chuyển, anh vội chạy ra xa khu vực đó. Khi quay đầu nhìn lại, anh không còn thấy hang động đâu nữa. Cả khu vực đó đã biến thành thung lũng đầm lầy rộng lớn. Anh bước chân xuống cạnh đầm lầy định tìm lại cửa hang nhưng đầm lầy sâu quá, anh đành lui thủi trở về nhà, trong lòng không nguôi nhớ ơn người *Yá yang vơ lăh* đã cứu anh và nuôi anh ăn uống trong thời gian ở thế giới đầy bí ẩn dưới lòng đất.

Từ đó, người Kà Dong biết sử dụng cây thuốc măng gang (*pa gang*) để chữa bệnh và biết ở dưới đất có một thế giới khác, một giống người khác cũng sinh sống, sinh hoạt giống như con người ở trên mặt đất.

Giống người *Yá yang vơ lăh* sống cách biệt và không quan hệ gì với con người sống trên mặt đất. Do đó ngoài truyền thuyết trên, không có ai gặp họ, thấy họ bao giờ ♦

(Theo lời kể của Nóc Dứa - xã Sơn Mùa)

SỰ TÍCH THÂN LÚA

Phuyện kể rằng ngày xưa, người Cà Dong thu hoạch lúa rẫy không phải tuốt lấy từng bông bỏ vào gùi công về như ngày nay mà hạt lúa tự đi về nhà. Con người chỉ việc làm gạo nấu cơm ăn. *Yiêng xơ ri* (thân lúa) giống như con người nhưng thân hình nhỏ nhắn, xinh đẹp và rất vui tính. Khi trổ bông (*mau xơ rớt*) bụng lúa còn lép kẹp nên phải thường xuyên há miệng để ăn nắng mặt trời trong nhiều ngày mới no và thành hạt lúa mẩy, thường gọi là lúa chín. Khi được ăn nắng mặt trời no căng bụng rồi những hạt lúa tự động rủ nhau về nhà với con người.

Trên đường từ rẫy về làng, *Yiêng xơ ri* vừa đi vừa ca hát, cười nói nô đùa vang cả một đoạn đường. Bầy chó trong làng nằm ngủ giật mình tỉnh giấc thấy thân, liền sủa ầm ĩ cả làng và xông ra đuổi cắn. Thân liền tháo chạy trở về rẫy nhập lại vào bông lúa như cũ, khóc rầu rĩ. Con người dỗ mãi, mời mãi nhưng hạt lúa vẫn không chịu rời khỏi bông lúa. Cuối cùng con người bí quá đành phải tuốt từng bông lúa bỏ vào gùi công về. *Yiêng xơ ri* được con người công về nhà thấy con chó liền nguyên rủa: "Đồ chó hung! Khi giao phối, đít nôi đít sẽ phải dính chặt vào nhau". Từ đó đến nay, con chó giao phối đều dính chặt vào nhau, khi hết

động đực, động cái, hai con đực con cái mới rời khỏi nhau và cũng từ đó người Cà Dong thường xuyên cúng bái để thần lúa vui lòng nuôi sống con người. Để lấy lòng thần lúa, người Cà Dong phải làm chòi dựng lúa thật đẹp, cao ráo, sạch sẽ và có những tục lệ cúng tế bắt buộc trong lao động sản xuất lúa gạo.

Trước khi phát rừng làm rẫy trồng lúa con người phải làm lễ *lem a chem* (phát rẫy phép chuẩn bị cho mùa rẫy tới). Phát rẫy phép chỉ dọn sạch cỏ một khu đất nhỏ rồi chặt một ống nứa to bằng cán rựa đánh dấu làm ba nấc đóng xuống đất. Khi rút ống nứa lên đất vào tới nấc hai, ba là được. Ống nứa là tượng trưng cho chòi lúa, nấc thứ nhất là sàn chòi, nấc thứ hai là giữa chòi, nấc thứ ba là nóc chòi. Sau đó về nhà coi giò gà và cúng *chem yieng* (cúng tế xin thần đất, thần rừng). Nếu giò gà chỉ tốt và đêm đó không nằm mơ thấy thần linh mách bảo điềm xấu thì mới tiến hành phát rừng làm rẫy để trồng lúa.

Trước khi trỉa lúa, họ phải bắt máng nước mới và cúng máng nước, cho tiết heo chảy vào máng để cho các gia đình hứng lấy tưới vào thóc giống để làm cho thóc giống được mát mẻ mau mọc. Sáng hôm sau, họ mang thóc giống lên rẫy trồng lúa *pa tâm*, thứ lúa được trồng mỗi người một bụi tại khoảng đất riêng rồi rào kỹ lại, vài ngày sau, lúa

pa tâm đã nhú mầm khỏi mặt đất họ mới chọc lỗ trĩa hạt lúa chính thức trong rẫy.

Lúa rẫy phải thường xuyên dọn sạch cỏ dại, nếu để cỏ dại mọc lẫn với lúa thì sẽ gây cho lúa bị mờ mắt mà vàng úa thân lá, bông ngắn hạt lép. Trước khi ăn lúa mới, cả làng phải:

- Phát đường sạch sẽ và làm cầu tre qua suối cho tuyến đường từ làng tới rẫy.

- Bắc máng nước mới và cúng heo như lúc trĩa lúa. Nước có lẫn máu heo để nấu nồi cơm cúng *vóc tao* (cúng ông táo).

- Chủ làng cúng *chem vơ rai* cho cả làng để cảm ơn thần *pơ linh* (trời) thần *vơ rai*, thần *yiêng xơ ri* (thần lúa) đã phù hộ cho cả làng có được mùa màng bội thu.

- Mang heo lên rẫy cúng *vóc mong*, rước thần *yiêng xơ ri* về nhà. Họ tuốt lúa bỏ vào gùi công về, trên đường về họ chặt cây đốt để ngọn hương về làng ở những nơi bìa rẫy, khe suối nhỏ.

Nếu suối lớn có cầu hoặc phải lội qua khó thì họ giăng một sợi chỉ trắng từ bờ bên này qua bờ bên kia để thần *yiêng xơ ri* dễ dàng đi qua theo con người về nhà. Tới cầu thang trước cửa nhà, họ cắm một cây đốt hương ngọn lên nhà rồi buộc sợi chỉ trắng từ mặt đất lên sàn nhà cho thần *yiêng xơ ri* đi lại dễ dàng.

Gạo lúa mới đã được sàng sảy xong, họ nấu nồi cơm cúng bằng nước có lẫn máu heo. Trước khi ăn cơm mới, họ bắt con cua suối cào miệng mọi người xong mới được ăn. Suốt trong mùa tuốt lúa, cơm trong nồi không được ăn hết, phải để lại một ít cơm dưới đáy nồi.

- Phải rước thần *yiêng xơ ri* về chòi ngay sau khi thu hoạch xong. Người vợ ngắt lấy những bông lúa *pa tâm* và những bông lúa còn sót lại trên rẫy bỏ vào gùi.

Chồng đứng giữa rẫy vái xin thần *yiêng xơ xi*, theo ông bà về chòi và phù hộ cho mùa rẫy tới. Khi về, người vợ gùi lúa đi trước, người chồng theo sau. Những bông lúa *pa tâm* được cất giữ nơi trang trọng nhất trong chòi, để khi *Ká xơ rế* (tết đầu năm) làm bánh thiêng gói bằng lá đốt mỗi người một cái trong gia đình (*A cót ting*) và sau khi ăn bánh xong từng người cầm lá đốt gói bánh cắm lên mái nhà để làm phép. Người ta tin rằng lá đốt nghiêng về phía ngoài hoặc phía bếp thì người đó sẽ đi xa, hoặc ốm đau. Lá đốt chĩa lên trời người đó sẽ mạnh khỏe làm ăn phát đạt.

Vài ngày sau, họ nấu cơm bằng ống nứa mang ra ngoài rìa làng ăn chung với thịt rừng, cá sông rồi lên chòi xúc mang về một ít lúa làm ăn, từ đó mới được mang cơm lên rẫy hoặc mang gạo lúa ra khỏi nhà (*a tóc mau*) ♦

SỰ TÍCH CON CHIM HANG

Xưa xưa có một đôi vợ chồng người Cà Dong sống với nhau rất hòa thuận, hạnh phúc, họ đã có với nhau hai đứa con trai khôi ngô, tuấn tú. Hàng ngày chồng đi làm nương rẫy, vợ ở nhà nuôi con, phơi lúa giã gạo, nấu cơm để chiều tối chồng đi làm về cả nhà cùng ăn. Năm tháng trôi qua, đứa con trai đầu đã năm cái mùa rẫy, con trai thứ cũng vừa ba lần đón hội *ká xơ rế-plah* (tết đầu năm) thì người vợ lâm bệnh chết, một mình anh phải vất vả nuôi con.

Do cuộc sống quá chật vật nên anh lấy vợ kế để lo việc bếp núc trong gia đình. Thời gian đầu, người vợ kế rất thương hai đứa con riêng của anh và đảm đang việc bếp núc, mặc dù rất lười quét dọn nhà cửa nhưng trong gia đình vẫn êm ấm. Nhà cửa lâu ngày không quét, rác rưởi đầy nhà, ruồi muỗi, chuột sinh sôi nảy nở khiến cho ma xó *kang grong* dễ xâm nhập vào nhà. Do ăn ở chung với lũ chuột, ruồi muỗi nên bà đã bị *kang grong* làm cho đau mắt, đau răng. Người chồng đã mời nhiều thầy cúng đến nhưng vẫn không khỏi bệnh mà răng bà càng sưng to, bà không ăn được cơm, chỉ húp nước cháo đặc. Từ đó, bà đâm ra khó tính, đánh đập hai đứa nhỏ rất dã man. Bị đòn đau vô cớ, hai đứa nhỏ kêu lên : " Đau quá mẹ ơi! Mẹ cứu con với ".

Nghe tiếng cầu cứu, bà kể càng tức giận, càng đánh hai đứa nhỏ nhiều hơn, hai anh em chỉ biết ôm nhau khóc gọi mẹ. Một đêm, bà kể ngủ mơ thấy mẹ của hai đứa nhỏ hiện về chỉ vào mặt bà, nói : " Bà không được đánh hai đứa con của tôi nữa, nếu không chữa tôi sẽ bóp cổ bà chết". Khi tỉnh dậy, người bà vã cả mồ hôi vì lo sợ. Bà sợ đến mức gầy rạc cả người. Từ đó, bà kể ghét hai đứa nhỏ lắm, nhất là khi bà nghĩ đến những lời trong báo mộng thì máu xấu trong người bà lại nổi lên, tìm trăm phương nghìn kế hãm hại hai đứa nhỏ. Một hôm bà kể hỏi người chồng : " Mình có muốn cho tôi khỏi bệnh không ?". Người chồng trả lời : " Có chứ". Bà kể nói tiếp : " Vậy thì mình phải làm cho tôi một việc, tuy hơi khó nhưng tôi sẽ khỏi bệnh ngay". Người chồng trả lời : " Nếu em khỏi được bệnh, dù khó đến đâu anh cũng làm cho bằng được". Người vợ lại nói : " Theo lời thần báo trong mộng tôi chỉ khỏi bệnh khi được ăn con chim *hang* ⁽¹⁾ đang ăn trái *ka pong* ⁽²⁾ chín đầu tiên tại đỉnh núi phía đông. Chim *hang* đó phải tự tay hai đứa nhỏ bắt mang về, bây giờ anh dẫn hai đứa tới đỉnh núi cao nhất phía đông rồi chọn cây *ka pong* to, cao nhất trong đỉnh núi, anh làm bậc thang treo lên, tới ngọn anh làm một túp lều trên cành cây cho hai đứa ở đợi trong bảy ngày sẽ có chim *hang* tới. Hai đứa chỉ việc giết chim rồi cầm cánh của nó nhảy xuống đất mang thịt chim về là được". Người chồng

nghe cánh chim *hang* to vậy, hai đứa nhỏ cầm cánh của nó nhảy xuống cũng không khác gì là chim đang bay, hai đứa xuống đất vẫn yên ổn.

Sáng sớm hôm sau, họ gói bảy mo cơm, bảy ống nước mang đi theo. Họ đi suốt mấy ngày trời mới tới ngọn núi cao nhất ở phía đông. Tới đỉnh núi, họ chọn một cây *ka pong* cao nhất rồi làm từng bậc thang trèo lên cây, tới ngọn, người bố làm một túp lều trên cành cây. Túp lều vừa xong, hai anh em cũng lăn ra ngủ, vì đi đường xa và phải leo cây mệt nên hai anh em ngủ rất say. Trong lúc hai con đứa đang ngủ, người bố vội tụt xuống gốc cây, xuống đến đâu ông tháo bậc thang tới đó cho tới tận gốc rồi trở về nhà. Về đến nhà, người bố đứng ngồi không yên, suốt ngày thở dài và lo âu. Đến ngày thứ bảy vẫn không thấy con về, người bố định đi đón con nhưng bà kế quyết không cho và dọa tự tử ngay trong nhà nếu ông đi đón con, nên người bố lại thôi. Sau nhiều lần trắng lặn, người bố nhớ con quá đành giấu vợ đi đón hai con nhưng đến gốc cây *ka pong* khi người bố nhìn lên lều thì lều trống không, không biết hai đứa con đã biến đi đâu, ông đành ôm gốc cây *ka pong* kêu khóc gọi hai đứa con thăm thiết, mệt quá ngủ thiếp đi bên gốc cây. Đêm đó ông ngủ mơ thấy thần *Yiêng* đến vỗ vai ông bảo : " Ông về đi, hai đứa nhỏ đã được con chim *hang* cứu thoát đang sống ở một nơi an

toàn". Sáng hôm sau tỉnh dậy, ông đành lủi thủi trở về nhà, suốt ngày buồn bã vì thương nhớ con.

Hai anh em tỉnh dậy đúng lúc đêm khuya không thấy bố vội lên tiếng gọi, gọi mãi, gọi hoài cũng không nghe tiếng trả lời, chỉ nghe tiếng kêu rên rĩ của côn trùng và tiếng hú của con *kliêng ngóa* ⁽³⁾ đi ăm đêm. Người anh rờ tay về phía bậc thang bên cửa chòi nhưng không thấy thang đâu đành nằm ôm em ngủ tiếp. Sáng thức dậy, nhìn xuống cây mới thấy bên thân cây không còn thang nữa, hai anh em đành ngồi ôm nhau khóc. Thời gian đầu, hai anh em còn có cơm gói trừ bữa nhưng rồi gói cơm cũng hết, hai anh em đành hái những trái *ka pong* còn non mọc trên cành gần chòi ăn cho đỡ đói để sống qua ngày. Sau nhiều ngày trái *ka pong* trên cây cũng đã chín tỏa mùi thơm lừng cả một vùng. Từng đàn chim bay đến định ăn trái cây nhưng khi nghe lời yêu cầu của hai anh em: "cổng hai anh em xuống đất, mới được ăn trái *ka pong*" thì bầy chim đều bay đi. Mỗi ngày đều có hàng chục đàn chim đến nhưng rồi lại bay đi vì không làm được theo yêu cầu của hai anh em.

Ngày tiếp ngày trôi đi, trên cây *ka pong* chỉ còn lại bảy trái thì thấy một con chim *hang* bay đến, đậu trên cành cây xin hai anh em ăn trái *ka pong*. Hai anh em trả lời: "Được thôi, nhưng chim *hang* phải cổng hai anh em tôi xuống đất". Chim gật đầu

đồng ý, cõng người anh xuống trước, rồi cõng tiếp người em xuống. Được đứng trên mặt đất, hai anh em mừng quá reo hò nhảy nhót làm cho con chim *hang* vừa ăn xong trái *ka pong* cũng vui lây, xòe cánh lượn mấy vòng rồi mới bay lên trời cao từ biệt.

Hai anh em nhìn theo cho đến khi chim biến mất trên nền trời xanh mới thôi. Từ biệt chim rồi, hai anh em nhắm thẳng hướng đông đi tới. Sau nhiều ngày lang thang trong rừng, hai anh em đến một làng đông vui nhộn nhịp, tiếng chày khua, tiếng cười nói vang vọng cả một vùng. Hai anh em đến một gia đình sát rìa làng lên tiếng hỏi : " Hỡi người trong nhà, chúng tôi từ phương xa đến, muốn dừng chân bước, muốn xin miếng nước miếng trầu, chẳng hay có phiền hà gì không ?"

Cụ già nằm nghỉ trong nhà, nghe tiếng hỏi vội nhìn ra ngoài sân, thấy hai đứa trẻ khôi ngô tuấn tú, gương mặt hiền lành chất phác liền mời vào nhà cho ăn, cho uống. Cụ già có hai cháu gái mồ côi cha mẹ từ sớm, cũng trạc tuổi hai đứa trẻ. Ngay từ phút đầu chúng không lạ nhau mà cười nói vui vẻ rồi quăn quýt bên nhau như hình với bóng. Thấy vậy, cụ già rất mừng và thương hai đứa trẻ như cháu ruột của mình. Ngày tháng trôi qua họ đều đã thành những cô gái xinh đẹp, những chàng trai khôi ngô tuấn tú và khỏe mạnh nhất làng.

Thấy các cháu đã lớn mà vẫn quán quýt bên nhau ông già liền tổ chức lễ *ta nếp* cho hai đôi trai gái thành vợ chồng. Trong lễ cưới, dân làng ai cũng khen là hai cặp vợ chồng đẹp đôi nhất làng. Họ siêng năng, cần cù làm lụng và sớm thành người giàu có nhất làng, đàn trâu đầy trăm, heo, gà đầy sân, nhiều chiêng ché quý. Mỗi mùa cây *ka pong* kết trái, hai anh em đều cúng tế gọi chim *hang* trở về để tỏ lòng thương nhớ và biết ơn nhưng đã mấy lần cúng mà vẫn không thấy chim *hang* xuất hiện, hai anh em rất buồn. Một hôm hai anh em nằm mơ thấy thần *vóc co* (tiên hiền) bảo: “Mỗi mùa cây *ka pong* kết trái, các con hãy làm lễ đâm trâu cúng tế ông bà và thần linh của trời cao đất rộng, núi cao sông dài đã phù hộ cho hai con tai qua nạn khỏi, có đầy đủ sức khỏe, làm ăn phát đạt bằng cây nêu ba tầng: tầng một là mặt đất, tầng hai là cây cối, tầng ba là không gian và làm một con chim *hang* còn gọi là chim *kriêng* bằng gỗ đặt ở giữa tầng hai và tầng ba của cây nêu rồi mời bố cùng với mẹ kế đến dự. Xong lễ đâm trâu các con cắt thịt trâu hai miếng nhỏ gói làm hai gói dâng cho bố mẹ mang về, đến trước cầu thang nhà thì mở gói ra. Riêng gói cho mẹ kế hai con cắt thêm hai khúc sừng trâu gói chung với thịt”. Khi tỉnh dậy, hai anh em làm theo lời tiên bảo, làm lễ đâm trâu mời bố cùng mẹ kế đến dự. Khi đến nơi, người mẹ kế nhìn lên cây nêu ba tầng thấy con chim *hang*

đang xòe cánh rộng như che chở cho sự bình yên hạnh phúc của đôi trai gái, mà trước đây bà muốn hãm hại, thì bà kể vô cùng sợ hãi và ngất xỉu ngay tại chỗ, mọi người phải lấy gừng và củ *pa gang*⁽⁴⁾ xoa lên người, lên mặt mới tỉnh dậy được.

Lễ đâm trâu xong, bố cùng mẹ kể ra về, hai anh em làm theo lời thần bảo, đưa cho bố và mẹ kể hai gói thịt trâu và dặn : " Về tới nhà, trước khi bước lên cầu thang vào nhà, bố mẹ hãy mở gói thịt trâu xem". Khi về tới cầu thang trước cửa nhà, người bố nhớ lời con dặn liền mở gói thịt trâu ra, bỗng thịt trâu biến thành trâu cái to khỏe và bước đi ung dung gặm cỏ cạnh nhà, người bố vô cùng mừng rỡ. Mẹ kể thấy vậy cũng mở gói của mình ra, lập tức thịt trâu trong gói biến thành trâu đực to khỏe, có đôi sừng nhọn như mũi dao húc chết bà kể rồi chạy vào rừng, biến thành trâu rừng hung dữ. Mọi người khi vào rừng hễ nghe tiếng "nghe ọ" của trâu rừng kêu là phải chạy nhanh lên cây hoặc lên tảng đá lớn trốn chạy, nấn không trâu sẽ húc chết. Sau khi bà mẹ kể độc ác chết đi, hai anh em cùng với vợ về ở với bố, sống cuộc sống sum vầy hạnh phúc, nuôi bố cho đến già. Và cứ mỗi mùa cây *ka pong* kết trái, hai anh em lại làm lễ đâm trâu bằng cây nêu ba tầng và con him *hang* bằng gỗ đang xòe cánh rộng đặt giữa tầng hai và tầng ba của cây nêu để cúng tế ông bà tổ tiên, thần linh và cũng

để tưởng nhớ con chim *hang* trong ngày vui nhất của mình.

Từ đó đến nay, cứ mỗi lần trong gia đình người Cà Dong tai qua nạn khỏi và làm ăn phát đạt họ tính đến làm lễ đâm trâu. Với lễ đâm trâu, cây nêu ba tầng tượng trưng cho đất trời không thể thiếu được cùng với con chim *hang* đang xòe cánh trên tầng cao của cây nêu, vừa tượng trưng cho vị cứu tinh luôn luôn che chở để có sự bình yên cho ngày lễ hội đâm trâu, vừa là niềm khát khao của con người mong có được sức khỏe để được sống như con chim *hang* tung cánh giữa trời cao. Đó là ước mơ khát khao lúc nào cũng cháy bỏng trong tâm hồn của người Cà Dong ♦

(1) Chim *hang*: Có nơi gọi là chim krêng, tức chim phượng hoàng.

(2) Trái *ka pong*: Trái giống như trái mít mọc hoang trong rừng

(3) Con *kliêng ngóa*: Chim ó.

(4) Củ *pa gang* : Tức củ mơ gang, măng gang, loại củ rừng để chữa bệnh.

SỰ TÍCH ĐỐT HƯƠNG TRƯỚC KHI CÚNG TẾ

Ngày xưa có một người đàn ông Kà Dong đi phát rẫy xa làng, gặp trời mưa to, gió lớn, không phát được nữa, ông đành trở về. Trên đường về, ông thấy một gốc cây to, cành lá sum suê, không một giọt mưa rơi xuống gốc, ông vội chạy đến bên gốc cây trú mưa. Mưa mỗi lúc một to, ông ngồi trú mưa cho tới lúc tối mịt mà mưa vẫn không ngớt.

Mệt quá, ông ngồi tựa lưng vào gốc cây, ngửa mặt nhìn lên ngọn cây, bỗng ông thấy một mái nhà sàn khổng lồ. Chỗ ông ngồi không phải gốc cây mà gầm của nhà sàn. Chủ nhà tươi cười vẫy tay mời ông lên nhà. Ông bước lên cầu thang tới sàn nhà rồi đến bên bếp lửa hồng ngồi sưởi ấm. Ông nhìn mọi người trong nhà, họ tươi cười với ông nhưng không nói câu nào, ông chào hỏi một người cao tuổi nhất trong nhà, ông ta cũng chỉ mỉm cười; thấy vậy ông cũng ngồi yên lặng. Họ bưng cho ông một bát nước, ông đỡ lấy uống, thấy trong người sảng khoái lạ thường. Rồi họ dọn cơm cho ông ăn. Khi ông thò tay vào mâm cơm, ông cảm thấy như hoa của cây rừng nhưng khi đưa nắm cơm lên miệng nhai thì thấy mùi cơm mới thơm phức. Khi ăn đã no, ông nắm lấy một nắm cơm giấu trong khố đang mặc rồi nằm ngủ.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, ông chẳng thấy nhà sàn đâu, chỉ thấy mình đang nằm bên gốc cây to; ông chợt nhớ tới nắm cơm giấu trong khố, ông vội lật khố lấy thì thấy đó là một cục nhựa của cây *ga gu* ⁽¹⁾ thơm lừng. Từ đó ông có sức khỏe như con chim *hang* tung cánh giữa trời cao, nhưng chim *kliêng ka* ⁽²⁾ bắt cá giữa dòng sông lớn; làm ăn phát đạt, thóc lúa đầy chòi, heo gà đầy sân, trâu đầy đàn, chiêm ché đầy trâm. Để tưởng nhớ thần *yiêng cây* đã cho ăn, cho uống nước thần làm ăn phát đạt, ông bắt một con heo thiến to bằng nửa sải tay cúng thần *yiêng* mừng sức. Trước khi cúng, thầy cúng cầu lấy một miếng nhựa *ga gu* (nắm cơm *yiêng cây*) đưa vào than củi đốt thì mùi thơm lừng cả một vùng và khi thầy cúng khấn thì có luồng gió thoảng mát rượi làm cho mọi người sảng khoái dễ chịu. Họ cho rằng, đó là dấu hiệu của thần *yiêng* tới nhận quà mà phù hộ sức khỏe cho mọi người trong nhà.

Từ đó, người Cà Dong có tục lệ trước khi cúng tế mừng sức khỏe, cầu mùa màng, hội hè, ốm đau... đều đốt nhựa cây *ga gu* để xua đuổi những mùi hôi thối, rui ro, dơ bẩn và tỏa lên những mùi thơm dịu mát bay tới lỗ mũi của các thần linh biết có người cúng tế, dâng lễ vật và xin thần linh phù hộ cho sức khỏe dồi dào, làm ăn phát đạt.

(1) Cây *ga gu*: một loại cây có nhựa màu đen rất thơm, chưa xác định được là cây gì.

(2) Chim *kliêng ka*: một loài chim to, lông hơi trắng, thường bay đôi đi bắt cá dọc dòng.

SỰ TÍCH, TỤC CÚNG CON TRÚT CỦA LÀNG RÃ

Ngày xưa có hai ông bà sống lâu đến mức đã hai lần rụng răng (*Huôn ha nêng ka ni*). Những răng mọc về sau rất nhỏ nên người Cà Dong gọi là răng chuột. Người sống lâu, rụng răng rồi mọc lại răng chuột thì vẫn thường có, nhưng đến hai lần rụng răng rồi lại mọc như ông bà là chưa ai thấy. Ông bà nhiều tuổi đến nỗi không ai còn nhớ là đã qua bao nhiêu mùa rẫy, đã dự bao nhiêu ngày hội *ká xơ rế - pơ lăh* (tết đầu năm) của dân làng, chỉ biết ông bà già đến mức lưng còng như cần rượu đang vót uống, suốt ngày chỉ ăn bằng nước cháo đặc cùng với rau rừng. Đến một hôm, bỗng dưng ông bà không chịu ăn uống gì cả, chỉ nằm lì bì trong nia. Con cháu lay dậy đút nước cháo, ông bà đều nôn ra hết. Thấy cảnh tượng như vậy, con cháu trong nhà không cầm được nước mắt, tưởng giờ phút trần trối vĩnh biệt cõi đời của ông bà đã đến gần. Nhưng đã nhiều lần trắng mọc rồi trắng lặn mà ông bà vẫn hồng hào, tỉnh táo như bình thường, chỉ khác là không ngồi dậy được nữa, suốt đêm ngày chỉ nằm cuộn tròn trong nia.

Vào một đêm khuya, con cháu thức dậy thấy ông bà đang bắt ăn những con gián (*vơ liêk*) đang bò trên vách nửa nhà sàn. Nghe động, ông bà liền cuộn tròn người lại, lăn về phía nia ngủ tiếp, con cháu lay gọi mãi cũng không thức dậy.

Sáng hôm sau, cả nhà ngủ dậy không còn thấy ông bà đâu nữa. Nơi ông bà nằm, chỉ còn cái nia trống không. Tất cả mọi người đi tìm trong nhà, ngoài sân cũng chẳng thấy ông bà đâu, chỉ thấy một sợi chỉ trắng buộc từ cái nia ra ngoài rìa làng. Mọi người đi theo sợi chỉ trắng thì thấy sợi chỉ buộc vào ở miệng cửa hang của con trút mới đào, màu đất còn tươi rói. Mọi người ngồi xung quanh miệng hang, ứa nước mắt khóc than theo giai điệu khóc cho người chết. Sau một lúc mọi người thấy hai con trút từ trong hang bò ra nhìn mọi người bằng con mắt trùu mền. Mọi người thấy lạ, ngấm nhìn con trút, bỗng con trút lên tiếng nói được bằng tiếng người: “Các con, các cháu đừng khóc nữa, từ nay ông bà không ở bên cạnh các con, các cháu được nữa, ông bà phải đi. Khi nào nhớ tới ông bà, các con, các cháu hãy tới ở ngã ba đầu xóm. Nhớ lấy mỗi một mùa rẫy chỉ được gọi ông bà hai lần thôi”. Dứt lời, hai con trút chạy biến vào rừng sâu mất hút. Mọi người chạy theo tìm cũng không thấy, đành lủi thủi quay về nhà.

Từ đó cứ vào ngày trăng non mới nhú, gia đình mang trâu cau, lễ vật cúng (cơm, thịt, rượu) ra ở ngã ba đầu xóm mời ông bà về gặp mặt con cháu và ăn uống vui vầy với gia đình. Chuyện kể rằng ngày xưa cứ mỗi lần cúng như vậy, đều có hai con trút xuất hiện để nhận lễ vật của con cháu dâng tế và ngồi lại với con cháu lâu, nhưng về sau, hai con trút chỉ xuất hiện một lúc rồi biến mất.

Từ đó, cứ vào ngày trăng non mới nhú của mùa tuốt lúa và trước khi ăn tết đầu năm hàng năm họ lại cúng ông bà ở ngã ba đầu xóm và tất cả những người trong dòng họ ở làng Rã cũ (*Wy ha Jã*) đều không ăn con trút vì cho rằng đó là ông bà, tổ tiên của họ.

Ngày nay họ không còn cúng nữa nhưng nhiều người vẫn không ăn thịt con trút và câu chuyện về ông bà *Vóc Co- Dá Co* không chết già mà biến thành con trút (*Ma nho*) vẫn còn lưu truyền cho con cháu đến ngày nay.

(Theo lời kể của Nóc Dứa, xã Sơn Mùa)

SỰ TÍCH CÁC LOÀI THÚ DỮ

Ngày xưa, vùng người Cà Dong có một mụ phù thủy *Yă ka nóc* rất độc ác. Hàng ngày, hễ mụ không vừa ý với ai là mụ vỗ vào mông của mình một cái, lập tức từ trong người mụ có một con thú hung dữ vọt ra và làm hại người đó ngay. Vì thế, mọi người đều sợ mụ. Mụ bắt tất cả những người đẹp trai, khỏe mạnh để hầu hạ mụ. Ban ngày, tất cả các chàng trai đi lượm củt gà khô cho mụ ăn, củt gà khô đó mụ gọi là *móc ha tiêng*. Mỗi ngày mụ ăn phải từ ba đến năm gùi *móc ha tiêng*, nếu không đủ mụ lại đánh đập chửi mắng các chàng trai thậm tệ. Ban đêm mụ còn hành hạ các chàng trai dã man hơn nữa; mụ vừa bắt các chàng trai làm cho mụ thỏa mãn tình dục vừa bắt gọt, chẻ sừng con trâu đút vào hậu môn của mụ để cho các con thú dữ trong bụng mụ ăn suốt đêm

không nghỉ. Cuộc sống của các chàng trai vô cùng cực nhọc, ngày một gầy rạc, già đi trông thấy. Những chàng trai đã quá già yếu, mẹ *Yă ka nóc* lại vỗ vào mông mình một cái, lập tức một con hổ dữ xuất hiện và bắt ăn thịt chàng trai già đó ngay. Không chịu được cảnh nhục nhã, cực hình, các chàng trai đã nhân lúc đi tìm củt gà khô bàn với nhau tìm cách giết chết mẹ *Yă ka nóc* độc ác. Họ đào một cái hố thật sâu rồi đến một quả đồi ở gần làng chặt những cây chuối rừng bóc hết bẹ ra phơi đầy trắng hếu khắp quả đồi rồi về nói dối mẹ *Yă ka nóc* là có giặc cướp tới đánh làng. Tất cả mọi người trong làng giả bộ vừa la vừa chạy nhốn nháo: “Bọn cướp, bọn cướp tới, chạy mau !” Mẹ *Yă ka nóc* run bần bật hỏi mọi người, chạy đâu cho thoát bây giờ ? Tất cả mọi người đều chỉ chạy xuống hầm ngay. Mẹ tưởng thật, nhảy xuống hầm sâu. Tất cả mọi người dậy hầm lại và đổ nước sôi xuống hầm, mẹ *Yă ka nóc* hung ác đã chết bỏng dưới hầm sâu. Sáng hôm sau, dân làng thấy những thú dữ từ miệng hầm ra chạy thẳng vào rừng. Từ đó vùng rừng núi người *Kà Dong* cư trú có rất nhiều thú dữ hại người. Dân làng khi đi vào rừng phải cầm tên nứa, giáo mác, kiếm đao để phòng thú dữ làm hại♦

SỰ TÍCH LÀNG HUY MĂNG

Cách đây đã lâu lắm rồi, vùng Huy Măng lúc bấy giờ toàn là rừng già, là quê hương của muôn loài thú. Những con voi có đôi ngà to bốn người khiêng không nổi, những con tê giác có cái sừng trên mõm dài hơn gang tay, ở đây con cọp, con beo nhiều lắm, cho nên ít có người dám tới ngoài chàng trai Ta Nố. Chàng Ta Nố là người Ka Dong ở Tiêk Klong. Với mũi tên, cái ná trong tay và thanh gươm sắc bén bên mình, chàng hay vào rừng săn bắn, bắt cá ở suối Huy Măng. Thanh gươm của chàng Ta Nố sắc đến nỗi con ruồi bay qua va phải lưỡi kiếm cũng đứt làm đôi. Thậm chí chàng còn là người bắn ná, phóng lao không biết trượt con chim đang bay hay con sóc đang nhảy, con heo rừng đang chạy.

Ngày ngày chàng trai xuôi theo con suối Huy Măng đến tại hòn đá hmô Ka Tong đầu nguồn thác Ha luh Kriêng Kok để ngồi ngắm cảnh thần tiên của dòng thác mang nhiều huyền thoại nơi nàng tiên đến tắm. Chàng nằm trên hòn đá lắng nghe những tiếng ve kêu, chim ca vượn hót, hòa với tiếng ào ào của thác đổ, tạo nên bản hùng ca của núi rừng hùng vĩ.

Ở phía hướng mặt trời mọc, nơi con sông Ring không còn găm thét, mặt đất bằng nhìn xa hết thấy cũng không có núi cao, có một người con gái dân tộc Hre tên là Y Hliêng. Y Hliêng mồ côi cha mẹ từ nhỏ, cô ở một mình tự kiếm sống nuôi thân. Họ hàng gần xa mời cô về ở với họ, nhưng cô không chịu, quyết tự lực trong cuộc sống của mình.

Ngày nối ngày, tháng tiếp tháng trôi qua, Y Hliêng đã có đôi chân rắn chắc, đùi mông tròn trịa, đôi ngực căng tròn và má biết hồng khi có con trai nhìn trộm. Đó cũng là lúc Y Hliêng biết mang những vật nuôi của mình xuống người Kinh đổi lấy mắm, vải vóc, đem lên trên vùng cao nơi người Cà Dong sinh sống, đổi lấy hạt cau khô, vỏ quế, mang xuống vùng người Kinh bán. Nhờ quan hệ mua bán với người Cà Dong nên Y Hliêng biết nghe và nói được tiếng người Cà Dong. Thấy Y Hliêng xinh đẹp và thông minh tháo vác trong công việc, nhiều trai làng dòm ngó muốn lấy cô làm vợ nhưng cô đều từ chối.

Một hôm cô ra bờ sông Ring hóng mát, cô leo lên một hòn đá cao để ngắm nhìn cả dòng sông đang nhẹ nhẹ lướt trôi, mặt nước lung lay dưới ánh nắng vàng của buổi chiều tà, cô thấy lòng ngây ngất mê say khi nhìn mặt trời hồng đang gổi đầu lên đỉnh núi phía tây nơi thượng nguồn sông Ring đang chảy. Trong lòng cô rạo rực khi chợt nghĩ: “Ngày mai mình sẽ hướng lên ấy”.

Đêm đó cô ngủ mơ thấy thần mặt trời chỉ tay phía nguồn sông Ring bảo: “Ngày mai con hãy ngược dòng sông Ring tới một con suối có thác ghềnh đổ về, ở đầu nguồn thác, hạnh phúc đang chờ con”. Sáng hôm sau cô quyết định làm theo thần mặt trời, cứ ngược dòng sông Ring bước tới. Ngày tiếp ngày, đêm nối đêm đôi chân cô vẫn bước không nghỉ, tới một thác nước đổ về sông Ring, cô ngừng chân ngửa mặt nhìn thác. Thác nối thác, ghềnh tiếp ghềnh, nước chảy xuống tung bọt trắng xóa như sương mù. Nhưng lạ thay khi cô đặt chân lên mặt đá của thác thì thấy trong lòng lâng lâng nhẹ nhàng như có thần tiên chấp cánh bước đi như bay lên đỉnh thác, tới cạnh hòn đá hmô Ka Tong lúc nào không biết. Cô hồi hộp vừa mừng vừa lo khi nhìn thấy chàng trai khỏe mạnh đang đứng trên hòn đá nhìn cô. Tay cô run run khi lấy miếng trầu cau đã tẽ sẵn cầm trên tay nói: “Nếu là người mà thần chỉ trong mơ, miếng trầu này sẽ rơi trúng giữa lòng bàn tay chàng”. Nói xong cô tung miếng trầu cau lên, miếng trầu cau rơi trúng giữa lòng bàn tay chàng trai. Chàng cầm miếng trầu cau đưa lên miệng nhai và nhổ nước bọt vào cuộn chỉ trắng, trong giây lát cuộn chỉ đã đỏ tươi như hoa chuối rừng mới nhú. Chàng trai nói: “Cô gái kia nếu là người có trái tim đỏ, có lòng trong trắng và trong suốt như trứng chim *pa gam*, thì cuộn chỉ sẽ lăn xuống trúng vào lòng bàn tay cô gái”. Chàng trai thả cuộn chỉ xuống thì cuộn chỉ lăn xuống trúng

ngay bàn tay cô gái. Hai người cầm hai đầu sợi chỉ hồng nhìn nhau cười vui sướng. Đó là sợi chỉ hồng nối hai trái tim của chàng trai với cô gái thành mối duyên hồng nồng thắm.

Sáng hôm sau chàng trai về làng bắt một con gà trống đang tập gáy để làm lễ ăn thề (*ta nếp*) trước thần linh. Mặt trời đỏ vừa gối đầu lên đỉnh núi phía tây cũng là lúc hai người làm lễ ăn thề, cả hai người quỳ xuống, hai tay chắp lên hai đầu gối mặt cúi xuống về hướng mặt trời cùng nói: “Hỡi thần mặt trời chói chang, thần mặt trăng êm dịu, thần linh của dòng thác chảy xiết, thần linh của trời cao đất rộng, thần linh của sông suối núi cao, hãy phù hộ cho chúng tôi nên vợ nên chồng, có sức khỏe như con đại bàng tung cánh giữa trời cao, như con chim *kliêng ka* bắt cá giữa dòng sông lớn, những ma xấu, quỷ dữ đừng ngó, đừng quở khi chúng tôi sinh con cái”.

Khấn xong, hai người xé thịt gà đưa lên miệng cho nhau ăn và buột sợi chỉ đỏ lên cổ tay cho nhau, họ nhìn nhau đắm đuối và ôm chầm lấy nhau, ngực đối ngực, chung chăn, chung gối, từ đó họ là vợ chồng.

Chàng Ta Nổ không đưa vợ về làng vì thời đó người Cà Dong không lấy người khác tộc. Hai vợ chồng làm nhà sàn ngay cạnh bờ suối Huy Măng, gần hòn đá hmô Ka Tong. Thế là khu rừng già vùng Huy măng đã mọc lên ngôi nhà sàn đầu tiên. Từ ngôi nhà sàn đó đã tỏa ra những hơi ấm của

bếp lửa, hơi ấm của tình yêu xua tan đêm tối, xua tan mùi hôi thối của rừng thiêng nước độc và mọc lên những chùm hoa *ka xa* ⁽²⁾ trắng ngần, cành hoa *vơ lang* ⁽³⁾ đỏ rực vẫy chào con người của hai xứ sở, hai dòng tộc gắn bó bên nhau.

Chàng Ta Nố về làng xin gia đình một con heo đực và một con heo cái để nuôi, nhưng đến khi heo cái có chửa thì heo đực bị cọp bắt ăn thịt.

Sau đó ít ngày, con heo chửa cũng không thấy về nhà, hai vợ chồng đi tìm đến một gốc cây gần bờ suối Huy Măng thì thấy heo cái đang đẻ, bên cạnh có một con cọp vằn to bằng con bò đực đang lượm heo con mới đẻ ăn thịt. Chàng Ta Nố tốt gươm khỏi võ, cọp không chạy mà đến trước mặt hai vợ chồng nhả từ miệng ra một hòn đá trắng rồi nhảy vào rừng biến mất. Y Hliêng nhặt hòn đá mang về nhà. Tương truyền đó là hòn đá thiêng, ai có hòn đá thiêng trong người khi vào rừng thú dữ không dám đến gần, người lạ không dám đứng đối mặt, làm ăn phát đạt, nói năng thuyết phục lòng người.

Từ đó, gia đình Y Hliêng heo gà đầy sân, trâu bò đầy đàn, cả vùng Huy Măng không có cọp beo quấy phá. Hai vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, những ngày trời xanh, những đêm trăng tròn, vợ hát ru con, anh đánh đàn *vơ rók krâu*. Tiếng đàn tiếng hát của hai vợ chồng vang vọng cả núi rừng, con chim rừng lắng nghe mà quên ăn lúa, con thú rừng say mê mà quên đi tìm mồi, con cá dưới suối

cùng ngược nước lội về để nghe tiếng đàn, tiếng hót ngân nga, vang xa khắp vùng Huy Măng.

Ngày tháng trôi qua, họ đã có con lớn lấy vợ lấy chồng và làm nhà riêng, cứ thế mỗi ngày một nhiều mái nhà sàn mọc lên thành xóm làng, xóm đầu tiên đó họ gọi là Ka tu Plum. Ít lâu sau họ lại dời làng đến Katu Hmôn và Ka tu Ta Măng là nơi hai vợ chồng xây dựng xóm làng kiên cố và đông vui nhất vùng Huy Măng.

Do quan hệ rộng và biết trao đổi hàng hóa với người Ka Dong, người Xơ Đăng, người Hre, vợ chồng Y Hliêng ngày càng giàu có, trâu bò hàng ngàn con, chiêng ché đầy trăm, tiếng tăm lừng lẫy khắp vùng người Ka Dong. Vợ chồng Y Hliêng vừa giàu có vừa là nơi hòa giải những xích mích giữa người Ka Dong với người Ka Dong hoặc với dân tộc khác như dân tộc Hre, dân tộc Hà Tiêng. Có những lần cả hai bên đã góp binh lính chuẩn bị xông trận, nhưng khi có mặt của hai vợ chồng cùng các con trai mang hai dòng máu, thông minh lanh lợi như mẹ, hùng dũng khỏe mạnh như cha, thì cả hai bên đã bỏ khí giới, bắt tay hòa giải đoàn kết với nhau.

Thời đó có một số người Hà Tiêng và dân tộc khác có cái bụng xấu hay đến vùng người Ka Dong, người Cor rình bắt trẻ em và phụ nữ mang đi bán ở nơi khác. Bọn người xấu đó biết múa gươm giáo, có cái gậy thần sét biết khắc ra lửa ⁽⁴⁾ gây chết người, cháy nhà. Bọn chúng gieo rắc tội ác ở nhiều

nơi, nhiều vùng người Cà Dong người Cor. Nhiều gia đình tang tóc đau thương, chồng mất vợ, mẹ mất con. Một hôm bọn chúng đến vùng Huy Măng để rình bắt gái đẹp và trẻ em, nhưng chúng chưa kịp gây tội ác thì đã bị vợ chồng Y Hliêng cùng các con trai khỏe mạnh dũng cảm đánh cho bọn chúng chạy tán loạn, bỏ xác nơi chốn rừng sâu.

Ít ngày sau, bọn chúng lại đến quấy phá người Cà Dong làng Rã, chúng bắn chết một trai làng. Căm thù trào dâng, trai làng Rã đứng lên đánh trả, bắt sống một số tên, trong đó có tên giết người. Chủ làng của làng Rã chỉ cho giết một tên đã gây tội ác để trả nợ máu, còn các tên khác thả cho về. Sau đó không ai còn thấy bọn người xấu bụng đó nữa, nhưng dân làng Huy Măng nói riêng và đồng bào Cà Dong vùng Sơn Tây nói chung vẫn dào lũ rào làng kiên cố để bảo vệ xóm làng và thường xuyên luyện tập kiếm đao, để đề phòng giặc giã cướp phá xóm làng. Từ đó dân làng sống trong cảnh yên vui. Tiếng *ra nghe*, tiếng *ka lêu* lại cất lên trong ngày hội vui của làng, tiếng chiêng công lại ngân nga vang vọng khắp núi rừng vùng Huy Măng.

Chủ làng Y Hliêng cùng với dân làng Huy Măng trồng nhiều cau, nhiều quế, vườn quế, vườn cau làng Huy Măng nhiều lắm, nhiều đến mức có nơi nhiều hơn cây rừng. Vì có vườn cau, vườn quế mà dân làng Huy Măng không dời làng xa, mà chỉ dời làng xung quanh vùng Huy Măng. Về sau hầu như

không dời làng nữa mà ổn định nơi lập làng cư trú không thay đổi đến nay.

Con cháu Y Hliêng nối gót cha mẹ làm chủ làng Huy Măng, kéo dài nhiều thế hệ, suốt cả quá trình làm chủ làng, con cháu Y Hliêng đều được mọi người dân làng yêu mến kính trọng.

Người Cà Dong làng Huy Măng trong phong tục tập quán cũng giống người Cà Dong ở vùng khác, nhưng tiếng nói, giọng nói gần giống người Hre. Điều đó, cũng không có gì lạ vì người làng Huy Măng phần lớn là con cháu, họ hàng, xóm giềng của vợ chồng Y Hliêng. Hơn nữa vùng Huy Măng là vùng giáp ranh giữa người Cà Dong với người Hre.

Con người làng Huy Măng siêng năng, cần cù trong lao động, dũng cảm kiên cường trong chiến đấu bảo vệ xóm làng và có nhiều người nổi tiếng làm chủ làng các đời sau như Nóc Dun, ông Xơn, ông Đua (Dần) ông Nị (Trường) v.v... Đặc biệt suốt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, làng Huy Măng không có một người dân nào theo giặc, chỉ theo Đảng của Bác Hồ, dù có bị địch bắt, ép buộc đi lính, nhưng rồi cũng đào ngũ trở về với dân làng ♦

(1) Chim pa gâm: một loài chim rừng chưa xác định rõ loại chim gì.

(2) Hoa ka xa: chưa rõ tên hoa trong tiếng Việt.

(3) Hoa vơ lang: hoa gạo

(4) Có lẽ là cây sừng kíp.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM MINH TOẢN

Biên tập:

CAO CHƯ

Vẽ bìa:

ĐĂNG VŨ

Ma kết: **MINH TUỆ**

Sửa bản in:

HỒNG VÂN

Ảnh bìa 1: Ống đựng thuốc lá
của thiếu nữ Cà Dong (ảnh: ĐĂNG VŨ)

-
- In 500 cuốn khổ 12,5 x 19 tại Xí nghiệp in Quảng Ngãi
 - Giấy phép xuất bản số 52/XBNT ngày 13/12/1999, do S
 - In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2000
-

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000897



15.000đ